

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP NHẬN ĐĂNG KÝ CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HẸM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN, MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303000212 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Tây cấp ngày 21 tháng 09 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10 tháng 01 năm 2005; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 11 năm 2006)

ĐĂNG KÝ CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

BẢN CÁO BẠCH NÀY SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

- | | |
|--|---|
| 1- Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Km số 10, phường Văn Mỗ, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây. | Điện thoại: 034.510735 Fax: 034.820280 |
| 2- Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Tầng 17, Toà cao ốc Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội. | Điện thoại: 04.9360024 Fax: 04.9360262 |
| 3- Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. | Điện thoại: 08.8208116 Fax: 08.8208117 |

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

| | |
|--|------------------------|
| Họ tên: Đoàn Ngọc Ly | |
| Chức vụ: Kế toán trưởng | Điện thoại: 04.2129480 |
| Địa chỉ: Km số 10, phường Văn Mỗ, thị xã Hà Đông, Hà Tây | Fax: 034.820280 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303000212 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Tây cấp ngày 21 tháng 09 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10 tháng 01 năm 2005; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 11 năm 2006)

ĐĂNG KÝ CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 11.
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng đăng ký: 2.000.000 cổ phần
Tổng giá trị đăng ký: 20.000.000.000 VNĐ (hai mươi tỷ đồng chẵn)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

Trụ sở chính: 222 Đồng Khởi - Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại: 08.8.272.295
Fax: 08.8.272.300

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (VCBS)**

Trụ sở chính: Tầng 17, Toà cao ốc Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà nội.
Số điện thoại: 04.9.360 024
Fax: 04.9.360 262

Chi nhánh: 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Số điện thoại: 08.8.208 116
Fax: 08.8.208 117
Website: www.vCBS.com.vn

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 5 |
| I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..... | 5 |
| 1. Tổ chức đăng ký..... | 5 |
| 2. Tổ chức tư vấn..... | 5 |
| II. CÁC KHÁI NIỆM | 6 |
| III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ | 6 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển..... | 6 |
| 2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ..... | 11 |
| 3. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức xin đăng ký, những công ty mà tổ chức xin đăng ký đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức xin đăng ký... | 12 |
| 4. Hoạt động kinh doanh..... | 12 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm gần nhất | 19 |
| 6. Tình hình tài chính của Công ty..... | 22 |
| 7. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát: | 26 |
| 8. Tài sản..... | 41 |
| 9. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức..... | 43 |
| 10. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức | 43 |
| 11. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận. | 49 |
| 12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức xin đăng ký | 51 |
| 13. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán đăng ký..... | 51 |
| IV. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ | 51 |
| V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ | 53 |
| 1. Tổ chức tư vấn | 53 |
| 2. Công ty kiểm toán..... | 54 |

| | |
|---|-----------|
| VI. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ..... | 54 |
| 1. Rủi ro kinh tế | 54 |
| 2. Rủi ro về luật pháp..... | 55 |
| 3. Rủi ro cạnh tranh..... | 55 |
| 4. Rủi ro lãi suất..... | 56 |
| 5. Rủi ro liên quan đến ngành nghề | 56 |
| 6. Rủi ro hoạt động..... | 57 |
| 7. Rủi ro khác..... | 57 |
| VII. PHỤ LỤC..... | 57 |

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký : Công ty cổ phần Sông Đà 11

Ông Lê Văn Châu Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Bạch Dương Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Ông Đoàn Ngọc Ly Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn : Công ty chứng khoán ngân hàng ngoại thương Việt Nam

Bà: **Nguyễn Thị Bích Liên**

Chức vụ: **Giám đốc**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin đăng ký giao dịch cổ phiếu do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cung cấp.

II. CÁC KHÁI NIỆM

| | |
|----------------------|---|
| UBCKNN: | Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước |
| TTGDCK Hà Nội: | Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội |
| Công ty: | Công ty Cổ phần Sông Đà 11 |
| Tổng công ty: | Tổng Công ty Sông Đà |
| CTCP: | Công ty Cổ phần |
| ĐHĐCĐ: | Đại hội đồng cổ đông |
| HĐQT : | Hội đồng quản trị |
| BGD : | Ban Giám đốc |
| BKS: | Ban kiểm soát |
| Tổ chức tư vấn: | Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam |
| Điều lệ Công ty: | Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 |
| BOT : | Build - Operate - Transfer (Xây dựng - Vận hành - Chuyển giao) |
| BO : | Buid - Operate (Xây dựng - Vận hành) |
| ISO 9001:2000 : | Tiêu chuẩn được thừa nhận quốc tế về đảm bảo chất lượng hàng hóa và dịch vụ |
| ISO/IEC 17025:1999 : | Tiêu chuẩn quốc tế chứng nhận khả năng của phòng thí nghiệm và hiệu chuẩn . |
| KV : | Kilovolt (Đơn vị đo lường hiệu điện thế dòng điện) |
| MW | Megawatt (Đơn vị đo công suất dòng điện) |
| CTTĐ : | Công trình thủy điện |

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty là Đội điện, nước thuộc Công ty Xây dựng Thủy điện Thác Bà từ năm 1961. Đến năm 1973, đội này được nâng cấp thành Công trường Cơ điện. Năm 1976, trong khi tham gia vào xây dựng công trình thủy điện Hòa Bình, Công trường một lần nữa được đổi tên thành Xí nghiệp Lắp máy Điện nước. Đến năm 1989, với sự trưởng thành về quy mô và hoạt động sản xuất kinh doanh, đơn vị được nâng cấp thành Công ty Lắp máy

Điện nước. Năm 1993, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị định số 388/HĐBT thành lập lại Công ty, đổi tên thành Công ty Xây lắp Năng lượng.

Đến năm 2002, với việc phát triển, đa dạng hoá ngành nghề, Công ty được đổi tên thành Công ty Sông Đà 11. Cùng năm này, Công ty vinh dự được nhận chứng chỉ quốc tế ISO 9001:2000 về quản lý chất lượng. Ngày 17 tháng 8 năm 2004, Công ty nhận Quyết định số 1332/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần.

Với bề dày hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Công ty không ngừng lớn mạnh về quy mô và tổ chức, đã và đang không ngừng đóng góp sức mình vào sự nghiệp xây dựng tổ quốc.

1.1 . Một số thông tin chính về Công ty Cổ phần Sông Đà 11:

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**
- Tên Tiếng Anh: **SONG DA N⁰11 JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch tiếng Anh: **SONG DA N⁰11. JSC.**

Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại, Công ty vẫn chưa đăng ký nhãn hiệu thương mại mà đang sử dụng biểu tượng của Tổng Công ty Sông Đà, phía dưới có thêm dòng chữ SONGDA 11



SONGDA 11

- Trụ sở chính: **Km số 10, phường Văn Mỗ, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây.**
- Điện thoại: **04.2129480**
- Fax: **034.820.280**
- Email: **songda11@.songda.com.vn**
- Quyết định chuyển đổi (CPH) từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần số 1332/QĐ-BXD do Bộ trưởng Bộ xây dựng cấp ngày 17/08/2004.
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303000212 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp ngày 21 tháng 09 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 10 tháng 01 năm 2005; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 26 tháng 11 năm 2005.
- Vốn điều lệ: **20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng Việt Nam chẵn)**

- Vốn cổ phần: 2.000.000 cổ phần (Hai triệu cổ phần)
- Cơ cấu vốn điều lệ:

Bảng 1: Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty đến thời điểm 31/12/2005

| STT | Cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|-----|------------------------------|------------------|-------------|
| 1 | Nhà nước | 1.060.000 | 53% |
| 2 | Người lao động trong Công ty | 931.468 | 42,73% |
| 3 | Cổ đông ngoài Công ty | 8.532 | 4,27% |
| | Tổng số | 2.000.000 | 100% |

- Lĩnh vực kinh doanh:
 - Xây lắp đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500KV; Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện; Quản lý, vận hành, phân phối điện năng các dự án do Tổng Công ty Sông Đà làm tổng thầu xây lắp hoặc chủ đầu tư.
 - Xây lắp hệ thống cấp thoát nước khu đô thị và khu công nghiệp; Xây lắp các kết cấu công trình; Quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước tại các khu công nghiệp và đô thị.
 - Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về cơ khí; Quản lý và vận hành kinh doanh bán điện.
 - Mua bán phương tiện vận tải cơ giới, chuyên chở hàng hoá đường bộ, vật tư thiết bị phục vụ thi công xây dựng, xuất nhập khẩu, vật tư, thiết bị, phụ tùng cơ giới và công nghệ xây dựng, các công trình giao thông, thủy lợi và bưu điện.
 - Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500 KV.
 - Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện. Tư vấn chuyên ngành thiết kế hệ thống điện - điện tử và tự động hoá.
 - Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng và chung cư, kinh doanh xây dựng khu công nghiệp.
 - Kinh doanh các ngành nghề khác được pháp luật cho phép phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty.

1.2. Các sự kiện chính:

Quá trình phát triển của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đã trải qua những dấu mốc quan trọng như sau:

1.2.1. Năm 2004

Đây là năm đặc biệt quan trọng với sự hình thành và phát triển của Công ty. Công ty được thành lập theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc chuyển Công ty Sông Đà 11 thành Công ty Cổ phần.

Với sự cố gắng và nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã đạt được nhiều thành tựu:

- ❖ Từ đơn vị làm công tác xây lắp điện nước và phục vụ điện nước tại các công trình thủy điện do Tổng Công ty giao, đến nay Công ty đã phát triển lớn mạnh, tham gia thi công nhiều công trình có quy mô lớn, phức tạp như xây dựng trạm 220KV Sóc Sơn, trạm biến áp 220KV Nghi Sơn, trạm biến áp 220KV Thái nguyên, trạm biến áp 110KV Trảng bạch, xây lắp đường dây 220 KV Phả Lại - Bắc Giang, đường dây 220KV Bắc giang Thái nguyên, xây lắp đường dây 500KV Pleiku - Phú Lâm, xây lắp đường dây 500 KV Pleiku - Đà Nẵng, xây lắp thủy điện Yaly, Sêsan 3, Sêsan3A, thủy điện Sơn La, thủy điện Pleikrông...
- ❖ Mở rộng thêm nhiều ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh mới như: Kinh doanh điện nước; Lắp đặt thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện các dây chuyền nhà máy thủy điện; Đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành các nhà máy thủy điện; Đầu tư kinh doanh nhà và đô thị...
- ❖ Lắp đặt thí nghiệm hiệu chỉnh các nhà máy thủy điện lớn như nhà máy thủy điện Sêsan3, Sêsan3A, RyNinh II, Nà Loi, Cần Đơn, thủy điện Nậm mu...
- ❖ Công ty đã khởi công xây dựng nhà máy thủy điện Thác Trắng ngày 19/05/04 do Công ty làm chủ đầu tư tại Điện Biên, công suất 6MW sản lượng điện bình quân năm 22triệu KWh.
- ❖ Tổng giá trị sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2004 là 206 tỷ đồng, tăng hơn 1,8 lần so với năm 2001.
- ❖ Hoạt động đầu tư của Công ty cũng được đẩy mạnh, giá trị đầu tư đạt hơn 34 tỷ đồng, tăng gần 12 lần so với năm 2001.
- ❖ Ngày 04/11/2004, Trung tâm thí nghiệm điện của Công ty vinh dự được nhận chứng chỉ ISO/IEC 17025:1999 về đạt chuẩn mục thí nghiệm quốc tế.

1.2.2. Năm 2005

- ❖ Công ty đã hoàn thành nghiệm thu bàn giao một số công trình, đảm bảo đúng tiến độ của chủ đầu tư như: Đường dây 500KV Nho Quan - Hà Tĩnh, đường dây 110KV Đại Lộc - Thạch Mỹ, đường dây 500KV Pleiku - Phú Lâm, đường dây 500KV Pleiku - Đốc Sỏi, đường dây 220KV Việt Trì – Yên Bái, đường 220KV Huế - Đồng Hới, đường dây 220KV Sêsan3 – Sêsan3A và một số hạng mục các công trình thủy điện Sêsan 3, Sêsan 3A, Sêsan4, thủy điện Sơn La, thủy điện Pleikrông, công trình cấp nước Hòa An – Tân Thạnh- Đồng Nai...
- ❖ Tổng giá trị sản xuất kinh doanh năm 2005 là 285,1 tỷ đồng, đạt 102% so với kế hoạch đặt ra.
- ❖ Công ty cũng trúng thầu xây lắp nhiều công trình mới với tổng trị giá lên tới 105,7 tỷ đồng, bằng 106% kế hoạch năm. Doanh thu thuần bán hàng tính đến cuối năm đạt 157 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 6,8 tỷ đồng.

Với lịch sử hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã không ngừng phấn đấu vươn lên, trở thành một Công ty đa thương mại hiện đại, cơ giới hóa, tự động hóa với hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và thành lập một trung tâm thí nghiệm điện đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:1999.

Những kết quả mà Công ty đã đạt được tạo tiền đề quan trọng cho sự phát triển vững mạnh sau này của Công ty. Phương hướng và nhiệm vụ Công ty đề ra trong giai đoạn tiếp theo là phấn đấu mức tăng trưởng sản xuất kinh doanh hàng năm khoảng 10%. Bên cạnh đó, Công ty chủ trương mở rộng thêm cơ cấu ngành nghề, phát triển thêm những lĩnh vực mới như: sản xuất công nghiệp, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện, đầu tư xây dựng quản lý một số dự án thủy điện, cung cấp nước sạch, kinh doanh xuất nhập khẩu, kinh doanh nhà và hạ tầng đô thị.

Một số thành tích của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 trong thời gian qua

- ❖ Trong hoạt động Sản xuất - Kinh doanh
 - Huân chương lao động hạng Ba - số 215 (1986);
 - Huân chương lao động hạng Nhì - số 248 (1989);
 - Huân chương lao động hạng nhất; (2005);
 - 04 Cờ thi đua xuất sắc của Bộ xây dựng (2001 - 2004);
 - Bằng khen của Chính phủ - số 266 (2002);
 - Bằng khen của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam;
 - Tổng Giám đốc Công ty được tặng giải thưởng Sao đỏ năm 2005;

- ❖ Trong việc hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước
 - Được cục thuế Hà Tây xác nhận hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ với ngân sách nhà nước từ năm 2001-2005.
- ❖ Trong lĩnh vực Khoa học - Công nghệ
 - Đạt chứng chỉ Hệ thống quản lý Chất lượng ISO 9001:2000 (2002);
 - Đạt chứng chỉ ISO/IEC 17025:1999 về phòng thí nghiệm đạt chuẩn;
- ❖ Trong Công tác xã hội
 - 02 Cờ thi đua xuất sắc của Công đoàn ngành (2000, 2001);
 - Bằng khen của Đảng bộ Tỉnh Hoà Bình nhiệm kỳ 2001-2005;
 - 04 Cờ Công đoàn xuất sắc ngành xây dựng (2001 - 2004);
 - 04 Bằng khen của Trung ương Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh (2002-2005).

2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ (tại thời điểm 30/09/2006)

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập

| STT | Cổ đông sáng lập | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|-----|--|---|------------------|------------|
| I | Tổng Công ty Sông Đà <i>Được đại diện bởi:</i> | Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. | 1.060.000 | 53% |
| | Lê Văn Châu | Tập thể thiết bị I - Văn Mỗ - Hà Đông - Hà Tây | 300.000 | 15% |
| | Nguyễn Bạch Dương | 54/639 Hoàng Hoa Thám - Cống Vị - Ba Đình - Hà Nội | 200.000 | 10% |
| | Hoàng Văn Khinh | Nhà G6b Thanh Xuân Nam - Hà Nội | 160.000 | 8% |
| | Lê Văn Tuấn | Trung tâm Thí nghiệm Sông Đà - Thanh Trì - Hà Nội | 100.000 | 5% |
| | Nguyễn Đăng Bí | Số 14 ngõ 3 - Phúc La - Hà Đông Hà Tây | 100.000 | 5% |
| | Nguyễn Mạnh Tiến | Số 3 tổ 26 cụm 5 - Hạ Đình - Thanh Xuân - Hà Nội | 100.000 | 5% |
| | Ngô Văn Đễ | Khu Ao Sen 5 - Văn Mỗ - Hà Tây - Hà Đông | 50.000 | 2,5% |

| STT | Cổ đông sáng lập | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|-----|----------------------|--|------------|-------|
| | <i>Đặng Xuân Thu</i> | Số 112 H4 - Thanh Xuân Nam - Hà Nội | 50.000 | 2,5% |

3. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức xin đăng ký, những công ty mà tổ chức xin đăng ký đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức xin đăng ký.

3.1. Danh sách những công ty con của tổ chức xin đăng ký, những công ty mà tổ chức xin đăng ký đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Không có.

3.2. Danh sách những công ty mẹ, công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức xin đăng ký

Hiện tại, Tổng Công ty Sông Đà đang nắm cổ phần chi phối (53% cổ phần) của Công ty Cổ phần Sông Đà 11.

4. Hoạt động kinh doanh.

4.1. Sản phẩm, dịch vụ chính:

Từ một đơn vị làm công tác xây lắp điện nước và phục vụ điện nước tại các công trình thủy điện do Tổng công ty giao, đến nay Công ty đã phát triển lớn mạnh, theo mô hình đa thương mại, góp phần tham gia vào nhiều dự án, công trình trọng điểm của Quốc gia. Những công trình Công ty đã tham gia có thể kể đến Trạm biến áp 500KV Hòa Bình; Đường dây 500KV Bắc-Nam; Đường dây 500KV Pleiku - Phú Lâm; Đường dây 500KV Dốc Sỏi – Đà Nẵng; Trạm 220KV Nghi Sơn - Thanh Hoá; Đường dây 220KV mua điện Trung Quốc - Lào Cai - Hà Khẩu; Thi công Hệ thống cấp nước thành phố Hạ Long; dự án SP5 cấp nước Pleiku, Nha Trang, Thi công lắp đặt điện nước cho công trình công nghiệp như: Hệ thống điện nước khách sạn Daewoo, Tây Hồ...; Thi công xây lắp và quản lý vận hành hệ thống điện nước cho các công trình thủy điện: Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4...; Lắp đặt và thí nghiệm hiệu chỉnh các nhà máy thủy điện Cần Đơn 72MW, RyNinh II 8,1MW, Nà Loi 9,3MW, Nậm Mu 12MW, Sêsan 3 260MW, thủy điện Cần Đơn 72MW, Sêsan 3A 100MW, thủy điện Thác Trắng 6MW, nhà máy thép Việt Ý...

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được chia thành các lĩnh vực chủ yếu sau:

4.1.1. Lĩnh vực xây lắp đường dây và trạm biến áp:

Lĩnh vực xây lắp đường dây và trạm biến áp là một trong những lĩnh vực hoạt động kinh doanh truyền thống của Công ty. Công ty có đội ngũ nhân lực giàu kinh nghiệm, đã kinh qua nhiều công trình lớn và phương tiện, thiết bị thi công hiện đại và có khả năng đáp ứng các hạng mục thi công khó khăn. Cho đến nay, Công ty đã thi công và đưa vào vận hành nhiều

công trình quan trọng và luôn được đánh giá cao của các nhà đầu tư về chất lượng, uy tín :
Công ty đã xây dựng :

- ✓ Hàng trăm trạm biến áp có cấp điện áp từ 35KV đến 500KV.
- ✓ Hàng ngàn km đường dây tải điện từ 35KV đến 500KV.

4.1.2. Lĩnh vực xây lắp hệ thống cấp thoát nước:

Trải qua hơn 40 năm phát triển và trưởng thành cùng Tổng Công ty Sông Đà với ngành nghề ban đầu là cấp điện, nước thi công cho các Nhà máy Thủy điện Thác Bà, Hòa Bình, Yaly...Đến nay, đơn vị đã phát triển mạnh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu trong lĩnh vực xây lắp hệ thống cấp thoát nước, đã thi công các công trình cấp thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khách sạn, nhà ở, văn phòng... Trong những năm gần đây, Công ty đã liên tiếp được các chủ đầu tư tín nhiệm giao cho thi công các hạng mục về Hệ thống cấp thoát nước trọng điểm trên toàn quốc và được đánh giá cao. Năm 2002, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 gia nhập Hiệp hội cấp thoát nước Việt Nam. Một số công trình điển hình Công ty đã và đang thi công:

- ✓ Hệ thống cấp nước thành phố Hạ Long
- ✓ Dự án cấp nước bốn tỉnh miền Trung-SP5
- ✓ Hệ thống cấp thoát nước khu công nghiệp Nội Bài
- ✓ Hệ thống cấp thoát nước Khách sạn Deawoo
- ✓ Hệ thống cấp thoát nước Khách sạn Tây Hồ (Sofitel Plaza)
- ✓ Hệ thống cấp thoát nước Đại sứ quán Nhật Bản
- ✓ Dự án cấp nước khu công nghiệp Hoá An – Tân Thành - Đồng Nai
- ✓ Dự án nước khu công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh

4.1.3. Lĩnh vực thí nghiệm – hiệu chỉnh điện:

Song song với những ngành nghề truyền thống, lĩnh vực thí nghiệm hiệu chỉnh điện của Công ty cũng phát huy được hiệu quả cao. Xuất phát điểm từ đội thí nghiệm nhỏ, ngày nay Công ty đã có một Trung tâm thí nghiệm điện hiện đại với thiết bị máy móc hiện đại nhất của các hãng nổi tiếng thế giới như Wei, Vanguard, Programma, SMC, Fluke, Chauvin, Penix... Bên cạnh đó, Công ty có đội ngũ kỹ sư, công nhân thí nghiệm chuyên nghiệp, đủ khả năng thí nghiệm - hiệu chỉnh - lắp đặt thiết bị điện đến 500 KV. Đặc biệt, cuối năm 2004, Trung tâm được công nhận có Phòng thí nghiệm hợp chuẩn ISO/IEC 17025, số hiệu Villas 162 và được Tổng cục đo lường và tiêu chuẩn Quốc gia cấp Giấy ủy quyền kiểm định máy biến dòng điện đo lường, máy biến điện áp đo lường với số hiệu N146.

Một số công trình tiêu biểu mà Công ty đã và đang thực hiện việc thí nghiệm-hiệu chỉnh toàn bộ đưa vào vận hành là:

- Công trình thủy điện:

- ✓ Nhà máy thủy điện RyNinh II 8,1 MW
- ✓ Nhà máy thủy điện Nà Lơi 9,1 MW
- ✓ Nhà máy thủy điện Cần Đơn 72 MW
- ✓ Trạm biến áp và Đường dây 110 KV Cần Đơn
- ✓ Trạm biến áp 35 KV của Công ty xi măng Yaly
- ✓ Trạm biến áp 35 KV của Công trình thủy điện Sê San 3A
- ✓ Nhà máy thủy điện Nậm Mu 12 MW
- ✓ Nhà máy thủy điện Tuyên Quang 320 MW
- ✓ Nhà máy thủy điện Sê San 3 260 MW
- ✓ Nhà máy thủy điện Sê San 3A 180 MW

4.1.4. Lĩnh vực gia công cơ khí và lắp đặt thiết bị

Bên cạnh ngành nghề truyền thống là xây lắp các công trình điện, nước, lĩnh vực gia công cơ khí và lắp đặt thiết bị cũng là thế mạnh của Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Ban đầu, Công ty chỉ gia công, lắp máy một số hạng mục nhỏ phục vụ thi công các công trình lớn. Tuy nhiên, đến nay phần gia công cơ khí, lắp máy của Công ty đã có những tiến bộ vượt bậc, với trang thiết bị tiên tiến, đội ngũ kỹ sư và công nhân lành nghề, có khả năng:

- Gia công cơ khí phức tạp phục vụ công tác lắp đặt các công trình thủy điện, công nghiệp như khung nhà xưởng khẩu độ đến 20m, dầm cầu trục đến 100 tấn, cột điện thép đến 500 KV...
- Lắp đặt các thiết bị điện, điều khiển và dây chuyền công nghiệp có yêu cầu độ chính xác cao cho Nhà máy thủy điện đến 400 MW và các thiết bị khác như điện, nước, thông tin liên lạc... cho công trình công nghiệp, nhà cao tầng.

Một số công trình tiêu biểu mà Công ty đã thi công:

- Công trình thủy điện:

- ✓ Nhà máy thủy điện RyNinh II 8,1 MW
- ✓ Nhà máy thủy điện Nà Lơi 9,1 MW
- ✓ Nhà máy thủy điện Nậm Mu 12 MW
- ✓ Nhà máy thủy điện Cần Đơn 72 MW

- Công trình công nghiệp:

- ✓ Trạm biến áp 220 KV Nghi Sơn

- ✓ Trạm biến áp 220KV Sóc Sơn - Hà Nội
- ✓ Trạm biến áp 110KV Lạc Sơn - Hoà Bình
- ✓ Trạm biến áp 500KV Hoà Bình
- ✓ Nhà máy cơ khí Sông Đà 9
- ✓ Trạm nghiền đá Sông Đà 3

4.1.5. Lĩnh vực đầu tư:

Với bề dày kinh nghiệm tham gia thi công các công trình lớn, Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý dự án, đầu tư. Trong những năm gần đây Công ty có chú trọng đầu tư một số dự án lớn như đầu tư thiết bị phục vụ thi công với giá trị hàng chục tỷ đồng/năm, đầu tư thành lập Trung tâm thí nghiệm điện với giá trị gần mười tỷ đồng. Tất cả những dự án này đều đã và đang hoạt động hiệu quả.

Ngoài ra, Công ty tích cực đầu tư vào các nhà máy thủy điện để kinh doanh bán điện thương phẩm cho Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Hiện giờ, Công ty đang là chủ đầu tư Nhà máy Thủy điện Thác Trắng công suất 6 MW tại tỉnh Điện Biên. Công ty đã ký hợp đồng bán điện thương phẩm với Tổng Công ty Điện lực Việt Nam trong thời hạn 25 năm, dự kiến giá trị thực hiện khoảng 350 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty cũng đang triển khai thực hiện đầu tư một số dự án:

- ✓ Một số dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và Yên Bái, Lâm đồng ...
- ✓ Dự án cung cấp nước sạch tại Đồng Nai.
- ✓ Dự án đầu tư Xưởng chế tạo cơ khí tại Hà Tây
- ✓ Dự án đầu tư sản xuất đá xây dựng tại Hòa Bình
- ✓ Dự án đầu tư Liên doanh lắp ráp và sản xuất thiết bị điện
- ✓ Một số dự án đầu tư khu đô thị tại các tỉnh và thành phố lớn.
- ✓ Một số dự án đầu tư tài chính trong ngành điện, nước, sản xuất vật liệu xây dựng...

4.2. Kế hoạch phát triển kinh doanh:

Để thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển Công ty trở thành một đơn vị mạnh, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững, Công ty đã tích cực đổi mới, thực hiện đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hóa sản phẩm. Công ty xây dựng mô hình phát triển theo xu hướng: Tăng trưởng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp và đầu tư các nhà máy thủy điện, nhà máy cung cấp nước sạch, kinh doanh nhà ở đô thị, lấy việc đầu tư và kinh doanh các nhà máy sản xuất điện, nước, đầu tư tài chính, kinh doanh nhà ở đô thị, thí nghiệm hiệu chỉnh nhà máy điện và nhà máy sản xuất công nghiệp làm sản phẩm chính để

đầu tư phát triển. Đồng thời, Công ty chủ trương xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao. Tất cả những nhiệm vụ, kế hoạch trên nhằm đáp ứng mục tiêu phấn đấu vì sự phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 và Tổng Công ty Sông Đà, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, đảm bảo mức cổ tức ngày càng cao. Định hướng này đã được Công ty trình ra trước ĐHĐCĐ và được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua, Tổng Công ty Sông Đà với tư cách là cổ đông chi phối sẽ theo dõi và kiểm tra để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng định hướng chiến lược đề ra.

Để đạt được mục tiêu trên, giai đoạn sắp tới (2006-2010), Công ty sẽ thi công các công trình và thực hiện các dự án đầu tư sau

4.2.1. Các công trình thi công giai đoạn 2006-2010.

Trong giai đoạn 2006-2010, Công ty sẽ thực hiện với giá trị sản xuất kinh doanh như sau :

Bảng 3: Giá trị sản lượng thực hiện giai đoạn (2006-2010)

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Các chỉ tiêu | Kế hoạch | | | | |
|------------|--|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| | | 2006 | 2007 | 2008 | 2009 | 2010 |
| | TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH | 260.000 | 285.000 | 310.000 | 340.000 | 360.000 |
| A | GIÁ TRỊ KINH DOANH XÂY LẬP | 226.300 | 238.700 | 251.500 | 224.700 | 217.300 |
| I | Các công trình thủy điện | 57.000 | 54.500 | 63.700 | 45.000 | 32.800 |
| II | Công trình đường dây và trạm | 136.800 | 145.200 | 147.300 | 136.700 | 136.500 |
| III | Các công trình khác | 32.500 | 39.000 | 40.500 | 43.000 | 48.000 |
| B | Giá trị kinh doanh nhà và hạ tầng | - | 5.000 | 10.000 | 15.000 | 25.000 |
| C | GIÁ TRỊ KINH DOANH SX CÔNG NGHIỆP | 5.200 | 21.700 | 28.400 | 74.000 | 80.000 |
| D | GIÁ TRỊ KINH DOANH SẢN PHẨM, BÁN SẢN PHẨM PHỤC VỤ XÂY LẬP | 28.500 | 19.600 | 20.100 | 26.300 | 37.700 |

4.2.2. Các dự án đầu tư giai đoạn 2006-2010:

Bảng 4: Các dự án đầu tư giai đoạn 2006 – 2010

Đơn vị: triệu đồng

| TT | Tên Dự án | Tổng cộng | Kế hoạch đầu tư | | | | |
|----|-----------------------------------|----------------|-----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| | | | 2006 | 2007 | 2008 | 2009 | 2010 |
| | Tổng cộng | 479.603 | 45.403 | 112.200 | 159.100 | 159.300 | 43.600 |
| A | Đầu tư lĩnh vực SX công nghiệp | 362.952 | 28.052 | 86.200 | 126.700 | 122.000 | - |
| B | Đầu tư khu đô thị và nhà cao tầng | 65.000 | - | 9.000 | 14.000 | 18.000 | 24.000 |
| C | Đầu tư NCNL điều hành SX | 47.451 | 13.151 | 7.000 | 8.400 | 9.300 | 9.600 |
| D | Đầu tư trong lĩnh vực tài chính | 39.200 | 4.200 | 5.000 | 10.000 | 10.000 | 10.000 |

Trong quá trình phát triển, tùy theo từng giai đoạn và việc nghiên cứu thị trường, Công ty sẽ đưa ra quyết định đầu tư đối với từng phương án để đảm bảo đạt hiệu quả kinh tế tối ưu.

Ngoài ra, nhằm mục tiêu tăng trưởng sản xuất công nghiệp năm 2010, dự kiến trong tương lai mỗi đơn vị trực thuộc của Công ty sẽ quản lý một dự án sản xuất công nghiệp. Mục tiêu của Ban lãnh đạo Công ty là xây dựng Sông Đà 11 thành đơn vị có chức năng kinh doanh tổng hợp, đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hóa sản phẩm và xây dựng đơn vị trực thuộc thành những đơn vị có chức năng chuyên sâu, vững mạnh.

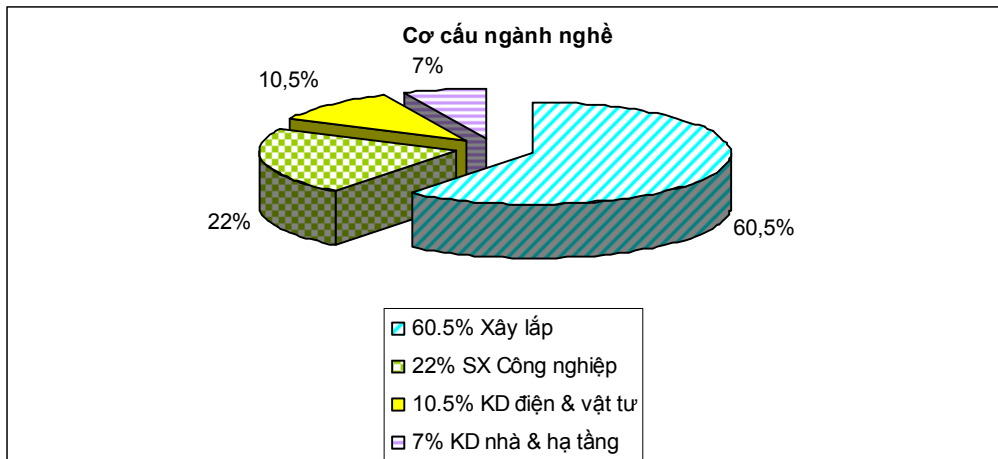
4.2.3. Cơ cấu ngành nghề kinh doanh đến năm 2010:

- Giá trị kinh doanh xây lắp chiếm 60,5% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh của Công ty: Theo xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước, nhu cầu xây dựng cơ sở vật chất là hết sức cấp thiết, đặc biệt là đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như: cầu đường giao thông, hệ thống lưới điện từ 0,4-500 KV, các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, hệ thống cấp và thoát nước các đô thị lớn... Đây luôn là lĩnh vực được Chính phủ chú trọng phát triển. Công ty có hơn 40 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực này, đã trải qua nhiều công trình lớn, lắp đặt hàng trăm trạm biến áp từ cấp điện áp 35KV đến 500KV, hàng ngàn km đường dây từ 35KV đến 500KV, hàng ngàn km đường ống cấp thoát nước. Thêm vào đó, mối quan hệ giữa Công ty với Tổng công ty công ty Sông Đà, Tổng công ty điện lực Việt Nam và với một số nhà đầu tư trong lĩnh vực xây dựng cơ bản được phát triển theo tinh thần hợp tác bền vững và cùng phát triển. Trong những năm tới, Tổng công ty Sông Đà và Tổng công ty điện lực sẽ đầu tư một loạt các dự án về thủy điện, nhiệt điện, sản xuất công nghiệp. Đặc biệt, Tổng công ty Sông Đà được Nhà nước giao cho làm tổng thầu một số công trình thủy điện quan trọng. Tổng công ty cũng sẽ giao cho Công ty thực hiện công tác xây lắp điện, nước tại các công trình này. Ngoài ra Công ty cũng sẽ ký hợp đồng trực tiếp với Tổng công ty điện lực về các dự án sẽ đầu tư sản xuất và truyền tải điện trong thời gian tới. Vì vậy, trong giai đoạn tới Công ty vẫn xác định ngành nghề xây lắp hệ thống điện, nước là ngành nghề truyền thống và được ưu tiên đầu tư trang thiết bị hiện đại để tiếp tục giữ vững vai trò là đơn vị mạnh, có khả năng cạnh tranh cao.
- Giá trị sản xuất công nghiệp chiếm 22% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh của Công ty: Nhằm ổn định sản xuất kinh doanh trong những năm tới, ngoài sản xuất kinh doanh điện tại công trình thủy điện Thác Trắng, Công ty còn tiếp tục đầu tư dự án sản xuất đá xây dựng, dự án cung cấp nước sạch. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh nghiên cứu đầu tư một số dự án về thủy điện, dự án về sản xuất thiết bị điện, các dự án công nghiệp khác để quản lý vận hành và bán ra thị trường.
- Giá trị kinh doanh điện, vật tư và phục vụ xây lắp tại các công trình thủy điện chiếm khoảng 10,5% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh. Hiện Công ty đang kinh doanh điện phục vụ thi công tại các công trình thủy điện Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4, Plelkrông, Sơn La, Bản Vẽ. Dự kiến trong thời gian tới Công ty tiếp tục triển khai và

đẩy mạnh việc kinh doanh điện tại các công trình thủy điện lớn mà Tổng công ty đầu tư hoặc làm tổng thầu như thủy điện Nậm Chiến, Lai Châu, Xêkaman 3...

- Giá trị kinh doanh nhà và hạ tầng chiếm khoảng 7% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh. Đây là lĩnh vực mới của Công ty nhằm thực hiện chiến dịch đa dạng hóa sản phẩm. Công ty hiện đang tập trung đầu tư vào các khu vực thành phố Hà Nội, Đồng Nai, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Tây...

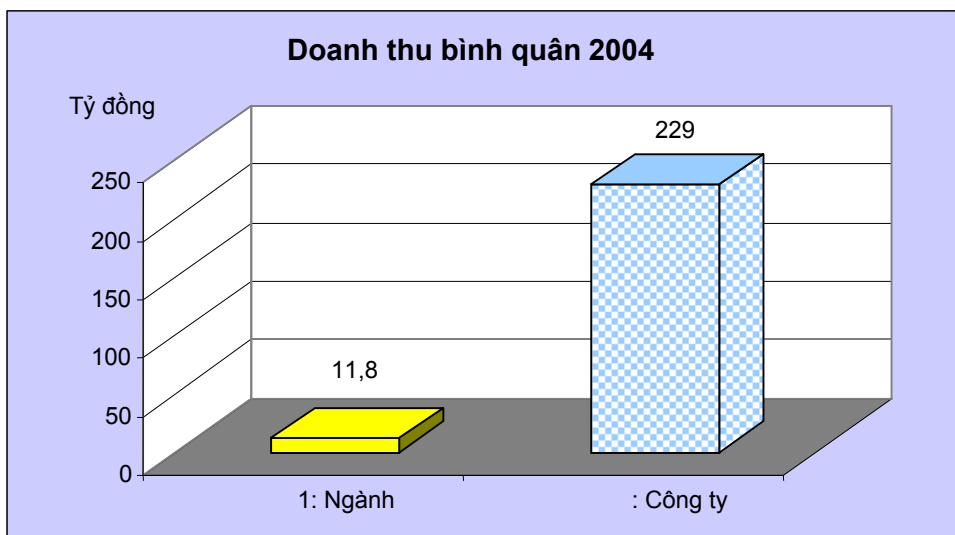
Biểu đồ 1: Cơ cấu ngành nghề của Công ty

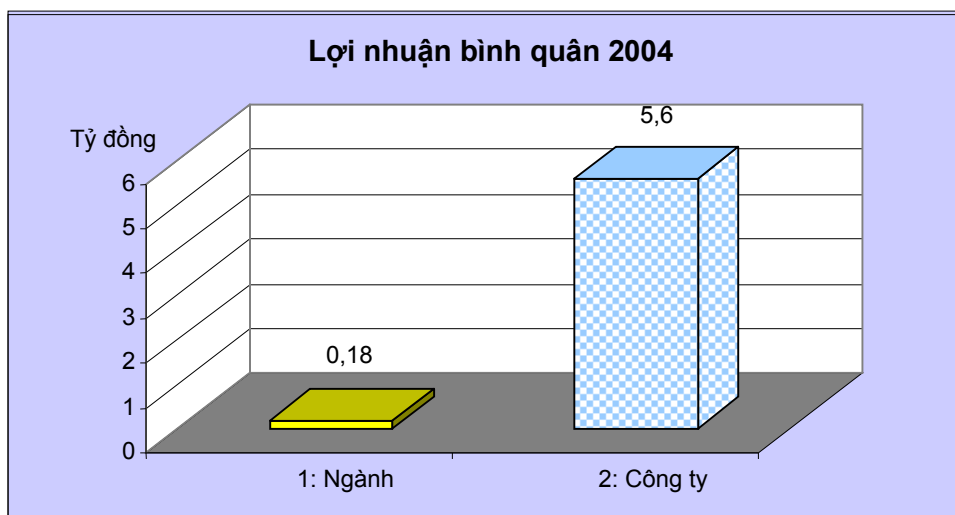


4.3. Vị thế của Công ty so với các đơn vị khác trong cùng ngành

Có bề dày hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Công ty ngày càng lớn mạnh, với vị thế đã được khẳng định trên toàn quốc. Hiện Công ty là một trong những doanh nghiệp có sức cạnh tranh và đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao trong ngành xây dựng, thể hiện qua doanh thu bình quân và lợi nhuận bình quân của Công ty luôn ở mức rất cao so với bình quân ngành. Cụ thể, doanh thu bình quân năm 2004 của 10.767 đơn vị hoạt động trong ngành là 11,8 tỷ đồng và lợi nhuận bình quân là 0,18 tỷ đồng. Trong khi đó, doanh thu và lợi nhuận bình quân của Công ty lần lượt là 229 tỷ đồng và 5,6 tỷ đồng. Năm 2005, doanh thu bình quân và lợi nhuận bình quân của Công ty cũng đạt mức cao so với mức trung bình của ngành: 157 tỷ đồng doanh thu và 6,8 tỷ đồng lợi nhuận.

Biểu đồ 2: Doanh thu của Công ty so với doanh thu bình quân ngành



Biểu đồ 3: Lợi nhuận của Công ty so với lợi nhuận bình quân ngành

Nguồn: Tổng cục Thống kê (<http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=432&idmid=3>)

5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm gần nhất

5.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2004, 2005 và 9 tháng đầu năm 2006

Bảng 5: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2004 | Năm 2005 | % tăng giảm | Lũy kế Quý III 2006 |
|-------------------------|-------------------|-----------------|-------------|---------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 157.203.260.106 | 203.013.732.243 | 29% | 265.335.416.055 |
| Doanh thu thuần | 229.120.193.989 | 157.030.843.448 | -31% | 177.426.750.052 |
| Lợi nhuận từ HĐKD | 6.322.101.406 | 6.812.718.720 | 8% | 6.795.627.468 |
| Lợi nhuận khác | (309.162.682) | 50.678.938 | 116% | (11.239.743) |
| Lợi nhuận trước thuế | 6.012.938.724 | 6.863.397.658 | 14% | 6.784.387.725 |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.560.303.753 | 6.863.397.658 | 23% | 6.784.387.725 |
| T.lệ L.nhuận trả cổ tức | Quý 4/2004: 18,4% | 43,7% | | |
| Tỷ lệ trả cổ tức | Quý 4/2004: 4% | 15% | | |

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2004, 2005 và Quý 3/2006)

Ngày 1/10/2004 là thời điểm Công ty thực hiện cổ phần hóa. Giai đoạn đầu chuyển đổi Công ty có gặp một số trở ngại, thể hiện qua doanh thu năm 2005 sụt giảm 31% so với năm 2004. Tuy nhiên, nhờ cơ cấu gọn nhẹ, hiệu quả, lợi nhuận Công ty trong năm 2005 tiếp tục tăng trưởng cao, tăng 23% so với năm trước. Tỷ lệ trả cổ tức của Công ty cũng tương đối hợp lý, đảm bảo mức lợi nhuận giữ lại để tái đầu tư.

Ý kiến của Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C) về Báo cáo tài chính năm 2005 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (Trích Thư kiểm toán trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2005 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 do A&C lập):

Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chú thích:

1. Khoản phụ phí phải nộp Tổng Công ty theo Quyết định số 51/QĐ/TCT/HĐQT ngày 4/3/2005 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà đang hạch toán vào chi phí trong năm bao gồm cả số tạm tính trên doanh thu tháng 12 là 1,358.291.000 đồng chưa có quyết toán với Tổng Công ty. Cụ thể như sau:

- Căn cứ tính: Theo Quyết định số 51TCT/HĐQT ngày 04/03/2005 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà về việc ban hành Quy định giá để ký hợp đồng thầu phụ giữa Tổng Công ty Sông Đà và các nhà thầu phụ.

- Nguyên tắc tính: Tổng công ty lựa chọn và ký hợp đồng với các đơn vị (gọi chung là nhà thầu phụ) để thực hiện các công việc tại các công trình, dự án mà Tổng công ty ký hợp đồng với chủ đầu tư. Giá giao thầu phụ đã tính bao gồm các khoản chi về chi phí quản lý của cơ quan Tổng công ty, chi hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Tổng công ty, chi phí đấu thầu, chi phí chuẩn bị dự án ban đầu, chi phí B chính đối với các công trình theo hình thức tổng thầu xây lắp mà Tổng công ty là thành viên. Ngoài ra, đối với dự án Tổng công ty làm tổng thầu EPC và tổng thầu xây lắp còn phải tính kinh phí để trả cho các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng nhưng không thu được của chủ đầu tư như: chi phí liên quan đến mua sắm thiết bị, chi phí tư vấn ngoài tổng dự toán, chi phí liên quan đến việc đảm bảo tiến độ, rủi ro trong quá trình thực hiện hợp đồng đặc biệt là chi phí liên quan đến phạt thực hiện hợp đồng về tiến độ thi công.

Tính đến thời điểm 31/12/2005, Công ty cổ phần Sông Đà 11 phải trả phụ phí thầu phụ 1.358.291.000,đ (Có bảng tính chi tiết kèm theo), tuy nhiên do Tổng công ty Sông Đà chưa thu nên Công ty đã tạm trích vào chi phí phải trả để phản ánh đúng kết quả kinh doanh và nguồn trả nợ.

2. Khoản ghi giảm doanh thu của Xí nghiệp 11.2: 1.258.207.769 đồng.

- Theo công văn số 184 BĐH/KTKH của Tổng Công ty Sông Đà thì XN 11.2 được hưởng phần chi phí phục vụ công trình chính (Trực tiếp phí khác) bằng 1% giá trị xây lắp (bao gồm chi phí vật liệu, nhân công, máy, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước).

- Theo Quyết định số 01 ĐDTCT/KTKH ngày 06/01/2006 của Tổng giám đốc Tổng công ty Sông Đà thay thế cho Công văn 184 BĐH/KTKH nói trên thì XN 11.2 được hưởng *1% trên chi phí trực tiếp (bao gồm chi phí vật liệu, nhân công, máy)* đối với các hạng mục công trình chính. Còn đối với các hạng mục công trình tạm phục vụ thi công thì XN 11.2 được hưởng *0,75% trên chi phí trực tiếp*.

Việc thay đổi “phương thức phân chia và thanh toán chi phí trực tiếp phí khác Công trình thủy điện Sêsan3” như trên đã làm cho doanh thu hạng mục “Trực tiếp phí khác” của XN 11.2 đến thời điểm 31/12/2005 giảm 1.258.207.769 đồng. Giá trị này đã được điều chỉnh giảm doanh thu trên báo cáo tài chính năm 2005 và chuyển sang phần doanh thu nhận trước.

5.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Sau hơn một năm cổ phần hóa, hoạt động của Công ty dần đi vào ổn định và đạt được những thành tựu nhất định. Lợi nhuận trước thuế đạt 6,8 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2004. Kết quả kinh doanh của Công ty năm 2005 đang có những chuyển biến thuận lợi. Có được kết quả đó là do:

❖ Yếu tố thuận lợi:

- Kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển thuận lợi với tốc độ tăng GDP hàng năm khoảng từ 7-8%, đặc biệt, năm 2005 GDP là 8,4%. Trong đó, tốc độ tăng trưởng của khu vực công nghiệp và xây dựng vẫn giữ vai trò chủ đạo để thúc đẩy nền kinh tế với mức tăng trưởng là 10,7% năm 2005, chiếm tỷ trọng 40,5% tổng GDP. Cùng với đà phát triển kinh tế, Nhà nước đang tích cực đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, nhiều công trình dân dụng quan trọng được khuyến khích đầu tư. Nhu cầu về xây dựng công nghiệp và dân dụng, sản xuất điện và vật liệu xây dựng tăng cao như một hệ quả tất yếu của công cuộc phát triển. Bên cạnh đó, cơ chế, chính sách ngày càng thông thoáng tạo điều kiện thuận lợi để công ty phát triển vững mạnh.

- Năm 2005 là năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm giai đoạn 2001-2005, Công ty có một số các công trình gói đầu từ năm 2004 chuyển sang như đường dây 220 KV Sê San 3, thủy điện Sê San 3, thủy điện Sê San 4, thủy điện Sơn La, Pleikrông, Thủy điện Bản Vẽ, một số công trình đấu thầu khác...

- Năm 2005 cũng là năm những lĩnh vực kinh doanh mới của Công ty được khẳng định như: Công tác xây lắp đường dây và trạm điện cao thế; Công tác thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện và công tác xây lắp các công trình thủy điện trọng điểm của Quốc Gia. Những lĩnh vực này góp phần không nhỏ vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế tài chính và định hướng phát triển của Công ty đề ra.

❖ Yếu tố khó khăn:

Tuy nhiên, năm 2005 cũng là năm Công ty phải đối mặt với một số khó khăn gây ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh như:

- Do nhu cầu đầu tư phát triển ngày càng mở rộng, quy mô vốn của Công ty còn hạn chế chưa hoàn toàn chủ động được về vốn cho một số lĩnh vực đầu tư mới.
- Mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt trên lĩnh vực xây lắp các công trình do sự phát triển mạnh mẽ của các nhà thầu xây lắp năm vừa qua.

6. Tình hình tài chính của Công ty

6.1. Tình hình vay nợ

Bảng 6 : Các hợp đồng tín dụng của Công ty đến thời điểm 31/12/06

Đơn vị: đồng

| STT | Ngân hàng | Giá trị khoản vay | Thời hạn vay | Lãi suất (%) |
|----------|---|-------------------|--------------|-------------------------|
| 1 | Ngân hàng ĐT&PT VN chi nhánh Đông Đô | | | |
| 1.1 | Vay ngắn hạn: | 17.383.372.722 | 9 tháng | 0,93%/ tháng |
| 1.2 | Vay trung hạn, trong đó: | 2.850.000.000 | | |
| | - <i>Thiết bị thí nghiệm</i> | 2.850.000.000 | 30 tháng | 11%/năm |
| 2 | Ngân hàng Công thương Hà tây | | | |
| 2.1 | Vay ngắn hạn: | 19.708.055.117 | 9 tháng | 0,92%/ tháng |
| 2.2 | Vay trung hạn, trong đó: | | | |
| | - <i>Dự án nâng cao năng lực thi công xây lắp của cty</i> | 1.316.650.000 | 48 tháng | 9,3%/năm + phí 2% năm |
| 3 | Ngân hàng NN&PTNT Tây Hà Nội | | | |
| 3.1 | Vay trung hạn, trong đó: | 5.682.052.704 | | |
| | - <i>Dự án nâng cao năng lực thiết bị trung tâm thí nghiệm điện</i> | 3.266.839.464 | 60 tháng | 9,96%/năm + phí 2% năm |
| | - <i>Dự án nâng cao năng lực thiết bị công trình thủy điện sơn la</i> | 2.415.213.240 | 60 tháng | 9,96%/năm + phí 3 % năm |
| 4 | Ngân hàng NN&PTNT Bắc Hà Nội CN Kim Mã | | | |
| 4.1 | Vay trung hạn, trong đó: | | | |
| | - <i>Da nâng cao năng lực toàn công ty</i> | 69.829.500 | 54 tháng | 9%/năm + 3,6 năm |

| STT | Ngân hàng | Giá trị khoản vay | Thời hạn vay | Lãi suất (%) |
|-----|---------------------------|-------------------|--------------|--------------------------|
| 5 | Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên | | | |
| 5.1 | Vay dài hạn | 46.571.603.347 | 12 năm | 10,1%/năm + 2,5% phí năm |

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2004, 2005)

6.2. Tình hình công nợ

Bảng 7 : Các khoản công nợ của công ty đến thời điểm 30/09/06

Đơn vị: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/04 | 31/12/05 | 30/09/06 |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| 1. Các khoản phải thu | 81.244.780.879 | 74.197.496.601 | 62.772.981.677 |
| - Phải thu khách hàng | 47.930.889.907 | 48.283.026.439 | 48.718.471.605 |
| - Trả trước cho người bán | 10.245.160.072 | 11.617.763.916 | 4.493.089.595 |
| - Phải thu nội bộ | 19.372.822.853 | 9.043.021.412 | 7.135.176.396 |
| - Phải thu khác | 3.695.908.047 | 5.253.684.834 | 2.426.244.081 |
| 2. Tài sản ngắn hạn khác | 3.653.262.888 | 1.552.952.637 | 10.031.041.775 |
| - Chi phí trả trước ngắn hạn | | | 930.022.183 |
| - Thuế và các khoản phải thu NN | 3.653.262.888 | 1.552.952.637 | 2.567.044.564 |
| - Tài sản ngắn hạn khác | | | 6.533.975.028 |
| 2. Nợ phải trả | 131.562.271.320 | 172.191.191.719 | 232.027.991.389 |
| 2.1 Nợ ngắn hạn | 122.679.911.520 | 119.691.147.168 | 148.300.072.971 |
| - Vay ngắn hạn | 41.823.121.948 | 41.081.518.839 | 47.754.353.230 |
| - Phải trả cho người bán | 29.155.126.069 | 36.927.612.397 | 37.170.807.339 |
| - Người mua trả tiền trước | 18.264.325.527 | 11.563.173.259 | 21.870.563.456 |
| - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 3.692.027.204 | 3.479.741.048 | 1.272.434.722 |
| - Phải trả công nhân viên | 5.019.312.042 | 6.859.812.925 | 9.014.204.911 |
| - Chi phí phải trả | 11.982.027.914 | 11.339.101.727 | 19.617.143.083 |

| Chỉ tiêu | 31/12/04 | 31/12/05 | 30/09/06 |
|------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Phải trả các đơn vị nội bộ | 0 | 0 | 0 |
| - Các khoản phải trả khác | 12.743.970.816 | 8.440.186.973 | 11.600.566.230 |
| 2.2 Nợ dài hạn | 8.882.359.800 | 52.500.044.551 | 83.727.918.418 |
| 2.3 Nợ khác | 0 | 0 | 0 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2004, 2005 và báo cáo 9 tháng đầu năm 2006)

Chú thích:

❖ **Khoản doanh thu chưa thực hiện: 4.609.056.33 đồng trong Các khoản phải trả, phải nộp khác, bao gồm các khoản sau:**

1. Doanh thu chưa thực hiện của công trình : 2.842.435.001 đồng.

Trong đó:

- Mục “Máy phát dự phòng công trình thủy điện Sêsan 3”: 306.752.483 đồng. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Sêsan 3A thanh toán hạng mục này theo phương thức thuê máy phát trong thời gian thi công công trình từ 2002 đến 2007. Giá trị này đã được thanh toán từ năm 2002, đến nay công trình chưa kết thúc vẫn còn số dư doanh thu nhận trước.

- Mục “Hệ thống cấp nước bờ trái”: 1.065.138.990 đồng, mục hệ thống cấp nước bờ phải : 212.335.759 (đồng) của công trình thủy điện SêSan 3, đây là phần chênh lệch giữa giá trị tạm thanh toán và giá trị trong tổng dự toán (chưa có dự toán chính thức), cho đến thời điểm 30/9/06 hạng mục này chưa được quyết toán chính thức nên Công ty chưa hạch toán vào doanh thu đã thực hiện.

- Mục: “Trực tiếp phí khác CT Sê San 3A”: 1.258.207.769 đồng.

Công ty cổ phần Sông Đà 11 thực hiện phần phục vụ điện nước (trực tiếp phí khác) tại Công trình Sêsan3, ngày 06/01/03 Ban điều hành thủy điện Sêsan3 có quyết định số 184BDH/KTKH quy định tỷ lệ tạm thanh toán trực tiếp phí khác bằng 1% tổng giá trị xây lắp (bao gồm chi phí vật liệu, nhân công, máy, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước). Ngày 06/01/2006, Tổng công ty Sông Đà có quyết định số 01-ĐDTCT/KTKH thay thế Công văn 184 nói trên và quy định chính thức tỷ lệ trực tiếp phí khác đơn vị được hưởng từ đầu công trình 1% trên chi phí trực tiếp (bao gồm chi phí vật liệu, nhân công, máy) do đó giá trị được thanh toán chính thức sẽ giảm so với giá trị đã tạm thanh toán từ năm 2002 đến 31/12/05. nhưng chưa được quyết toán với Ban điều hành lên Công ty tính toán xác định giá trị doanh thu chưa thực hiện.

2. Doanh thu chưa thực hiện : 1.766.621.330 đồng

Là doanh thu của công trình đường dây 500KV Playku dốc sỏi- Đà Nẵng hạng mục phân chặt cây phát tuyến, do chủ đầu tư tạm thanh toán theo giá trị tổng dự toán chưa có dự toán chi tiết, đến nay chủ đầu tư chưa quyết toán dự án vì vậy Công ty đã tạm tính phần giá trị thực tế được hưởng và xác định doanh thu.

❖ Số phải trả công nhân viên thời điểm 31/12/2005 kết dư: 6.859.812.925 đồng là do đến 31/12/2005 Cơ quan công ty và các đơn vị trực thuộc đã trích chi phí tiền lương tháng 11 và 12/2005 nhưng chưa tiến hành thanh toán cho cán bộ công nhân viên. Bên cạnh đó, năm 2005 Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả, một số đơn vị trực thuộc được phép chi trả lương tháng 13 nên đã tiến hành trích trước chi phí tiền lương tháng 13. Vì hai nguyên nhân trên, đến thời điểm 31/12/05 số dư phải trả công nhân viên toàn Công ty tương đối lớn.

❖ Khoản nợ dài hạn 83,7 tỷ đồng với Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên, Chi nhánh ngân hàng đầu tư và phát triển Đông Đô, Chi nhánh ngân hàng NNPTNT Bắc Hà Nội, Chi nhánh ngân hàng NNPTNT Tây Hà Nội được sử dụng để đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Thác Trắng, đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công của Công ty.

6.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 8 : Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty năm 2004, 2005 và 9 tháng đầu năm 2006

| Các chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2004 | Năm 2005 | Lũy kế Quý III 2006 |
|--|--------|----------|----------|---------------------|
| 1. Khả năng thanh toán | | | | |
| + Hệ số thanh toán hiện hành | Lần | 1,19 | 1,18 | 1,14 |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,12 | 1,21 | 1,03 |
| + Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,06 | 0,16 | 0,04 |
| 2. Cơ cấu tài sản nguồn vốn | | | | |
| <i>Cơ cấu tài sản</i> | | | | |
| + Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản | % | 79,36 | 71,42 | 57,67 |
| + Tài sản dài hạn / Tổng tài sản | % | 20,64 | 28,58 | 42,33 |
| <i>Cơ cấu nguồn vốn</i> | | | | |
| + Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn | % | 83,66 | 84,82 | 87,45 |
| + Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn | % | 16,34 | 15,18 | 12,55 |
| 3. Tỷ suất sinh lời | | | | |
| + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần | % | 2,43 | 4,37 | 3,82 |
| + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản | % | 3,54 | 3,38 | 2,55 |
| + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu | % | 22,83 | 22,80 | 20,4 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2004, 2005)

Qua bảng phân tích trên đây ta có thể thấy khái quát về tình hình tài chính của công ty trong những năm vừa qua.

❖ **Về khả năng thanh toán:**

Các hệ số về khả năng thanh toán cho biết khả năng của công ty trong việc thanh toán các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn. Qua bảng trên ta thấy các chỉ số thể hiện khả năng thanh toán của công ty năm 2005 tăng so với năm 2004.

❖ **Về cơ cấu tài sản**

Từ năm 2004 đến năm 2005, tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản của công ty giảm 7,94% trong khi tỷ trọng tài sản dài hạn tăng. Nguyên nhân chính là do trong năm vừa qua, các khoản phải thu đã giảm đi một lượng đáng kể (khoảng 7 tỷ đồng) và tỷ trọng các khoản phải thu trên tổng tài sản giảm 15%. Trong khi đó, tài sản cố định của công ty tăng 25,5 tỷ đồng góp phần làm tăng tỷ trọng của nó trên tổng tài sản thêm gần 8%.

❖ **Về cơ cấu nguồn vốn công ty**

Hệ số nợ sẽ cho chúng ta biết tỷ lệ phần trăm tổng tài sản được hỗ trợ bằng các khoản nợ vay. Ở đây, chúng ta có thể thấy tỷ trọng nợ vay trên tổng nguồn vốn của công ty đã tăng nhẹ, cũng như tỷ trọng của nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn giảm. Thật vậy, trong năm qua công ty đã quyết định tăng cường các khoản vay dài hạn (vay thêm khoảng 43,62 tỷ). Như vậy công ty đã quyết định tận dụng hơn nữa các dụng của đòn bẩy tài chính mà vẫn hạn chế được những rủi ro thanh toán nhờ lượng vay ngắn hạn giảm.

❖ **Về các chỉ tiêu sinh lời**

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần dùng để đo lường khả năng sinh lời so với doanh thu thuần. Năm 2005, chỉ tiêu này là 4,37%, tăng 2,94% so với năm 2004.

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản phản ánh mỗi đồng giá trị tài sản của công ty tạo ra được bao nhiêu lợi nhuận. Như bảng trên ta thấy, chỉ số này đã tăng từ 3,54% lên 3,38% từ năm 2004 đến năm 2005. Điều này thể hiện một đồng giá trị tài sản của Công ty đã làm ra ngày càng nhiều lợi nhuận hơn.

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu phản ánh một đồng vốn chủ bỏ ra sẽ tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế. Qua bảng tính trên, năm 2005 chỉ tiêu này là 22,80% thay đổi không đáng kể so với năm năm 2004.

7. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát:

7.1. DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

❖ **Ông Lê Văn Châu - Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên: Lê Văn Châu

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 14/04/1963
Nơi sinh: Hoàng Đạt - Hoàng Hóa - Thanh Hóa
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hoàng Đạt - Hoàng Hóa - Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú: Số 4, ngõ 10, Văn Mẫu - Hà Đông - Hà Tây
Số điện thoại cơ quan: 04.8.546.317
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

- Tháng 02/1982 - 01/1996: Công tác tại Công ty Xây lắp Năng lượng, giữ các chức vụ: Tổng đội phó; Bí thư đoàn Công ty; Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch công ty.
- Tháng 08/1996 - 09/2004: Phó giám đốc Công ty Sông Đà 11 - Tổng Công ty Sông Đà.
- Tháng 10/2004 - nay: Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 11
- 02/2005 - nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Cần Đơn, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi, Công ty CP thủy điện RyninhII.

Chức vụ hiện nay:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 11

Số cổ phần nắm giữ: 320.680 (Trong đó 300.000 cổ phần là đại diện cho Tổng Công ty)

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: (Không)

❖ Ông Nguyễn Bạch Dương - Ủy viên HĐQT

Họ và tên: Nguyễn Bạch Dương
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 11/12/1965
Nơi sinh: Ba Đình - Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Phúc - Ba Đình - Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Ngõ 639, Nhà 54, Hoàng Hoa Thám - Hà Nội
- Số điện thoại cơ quan: 034.510.750
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
- Tháng 12/1987 - 06/1991: Kỹ thuật; Đội trưởng xưởng sắt hàn tại Công ty Xây dựng Thủy công - Tổng Công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà - Hòa Bình
 - Tháng 06/1991: Chuyển về công tác tại Công ty Xây lắp Năng lượng, nay là Công ty Sông Đà 11
 - Tháng 06/1991 - 08/1993: Phó Quản đốc; Quản đốc Xưởng cơ điện Công trường Xây dựng Thủy điện Sông Đà tại Hòa Bình
 - Tháng 03/1995 - 12/1996: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Hà Nội
 - Tháng 01/1997 - 06/1999: Trưởng phòng Kế hoạch dự án Công ty Sông Đà 11
 - Tháng 07/1999 - 09/2001: Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 11.4 tại Quảng Ninh
 - Tháng 10/2001 - 06/2003: Trưởng phòng Dự án; Trưởng phòng Thị trường Công ty Sông Đà 11
 - Tháng 06/2003 - 09/2004: Giám đốc Ban quản lý các Dự án của Công ty Sông Đà 11
 - Tháng 09/2004 - nay: Phó bí thư Đảng ủy; Ủy viên HĐQT; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11

Chức vụ hiện nay:

- Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc CTCP Sông Đà 11
- Phó bí thư Đảng ủy

Số cổ phần nắm giữ: 213.000 (Trong đó 200.000 cổ phần là đại diện cho Tổng Công ty)

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: (Không)

❖ Ông Hoàng Văn Kinh - Ủy viên HĐQT

Họ và tên: Hoàng Văn Kinh

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 25/07/1961

Nơi sinh: Hải Lạng - Nghĩa Thịnh - Nghĩa Hưng - Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hải Lạng - Nghĩa Thịnh - Nghĩa Hưng - Nam Định

Địa chỉ thường trú: Số 1 - D4 Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội

Số điện thoại cơ quan: 04.8.544.936

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1984 – 12/1988: Công tác tại Phòng Tài vụ - Công ty Xây dựng công trình ngầm - Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà.
- Từ 1989 - 11/1990: Trưởng phòng Tài vụ Xí nghiệp Cơ khí Thủy lực
- Tháng 12/1990 - 03/1992: Chuyên viên Phòng Tài vụ Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà
- Tháng 04/1992: Phó phòng Tài vụ Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà
- Tháng 05/1992-12/1995: Phó phòng Tài vụ Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà; Kế toán trưởng Đại diện Tổng Công ty tại Hà Nội
- Từ 1996 - 04/1998: Phó Kế toán trưởng Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà; Kế toán trưởng Đại diện Tổng Công ty tại miền Trung
- Tháng 05/1998 - 2000: Phó Kế toán trưởng Tổng Công ty Sông Đà
- Từ 2001 - 06/2002: Phó phòng Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Sông Đà
- Tháng 07/2002 - 08/2003: Phó Kế toán trưởng Tổng Công ty Sông Đà
- Tháng 08/2003- nay: Bí thư chi bộ; Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ; Trưởng phòng Tài chính Tổng Công ty Sông Đà

Chức vụ công tác hiện nay:

- Trưởng phòng Tài chính Tổng Công ty Sông Đà
- Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 11
- Bí thư chi bộ
- Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ cơ quan

Số cổ phần nắm giữ: 160.000 (Đại diện cho Tổng Công ty)

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: (Không)

❖ Ông Nguyễn Đăng Bí - Ủy viên HĐQT

Họ và tên: Nguyễn Đăng Bí

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 15/08/1951

Nơi sinh: Khắc Niệm - Tiên Du - Bắc Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Khắc Niệm - Tiên Du - Bắc Ninh

Địa chỉ thường trú: 14 ngõ 3 - Đường Phùng Hưng - Phúc La - Hà Đông

Số điện thoại cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Lý luận chính trị cao cấp

Quá trình công tác:

- Tháng 09/1969 - 11/1974: Công nhân xây lắp đường dây cao thế Đội điện nước Công ty Xây dựng Thủy điện Thác Bà
- Tháng 11/1974 - 02/1978: Công nhân thí nghiệm điện cao thế Thác Bà
- Tháng 02/1978 - 01/1980: Công nhân xây lắp đường dây cao thế - Xí nghiệp Lắp máy Điện nước Sông Đà
- Tháng 01/1980 – 09/1986: Đội trưởng Đội điện hầm - Xí nghiệp Lắp máy Điện nước Sông Đà

- Tháng 09/1986 - 04/1990: Phó Giám đốc Xí nghiệp Lắp máy Điện nước - Tổng Công ty Sông Đà
- Tháng 04/1990 - 04/1993: Giám đốc Xí nghiệp Điện nước Số 2
- Tháng 04/1993 - 12/1993: Tổng đội trưởng - Công ty Xây Lắp Năng lượng Sông Đà
- Tháng 12/1993 - 12/1995: Chuyên viên; Chủ tịch công đoàn Công ty Xây lắp Năng lượng Sông Đà
- Tháng 11/1996 - 12/1998: Chủ tịch công đoàn Công ty Xây lắp Năng lượng Sông Đà 11 Yaly - Gia Lai
- Tháng 01/1999 - 08/2000: Phó Giám đốc Công ty Xây lắp năng lượng Sông Đà 11
- Tháng 09/2000 - 12/2001: Phó Giám đốc Công ty; Giám đốc Xí nghiệp 11-2 công trường thủy điện YaLy
- Tháng 01/2002 - 09/2004: Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 11
- Tháng 10/2004 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11

Chức vụ hiện nay:

- Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 11
- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11

Số cổ phần nắm giữ: 116.000 (Trong đó 100.000 cổ phần là đại diện cho Tổng Công ty)

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: (Không)

❖ Ông Lê Văn Tuấn - Ủy viên HĐQT

Họ và tên: Lê Văn Tuấn
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 20/05/1970
 Nơi sinh: Hòa Lâm - Ứng Hòa - Hà Tây
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Hòa Lâm - Ứng Hòa - Hà Tây
 Địa chỉ thường trú: 2A Tập thể Sông Đà - Triều Khúc - Tân Triều - Thanh

- Tri - Hà Nội
- Số điện thoại cơ quan: 034.826.371
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
- Tháng 08/1993: Tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân
 - Tháng 08/1993: Làm việc tại Công ty Xây lắp Năng lượng Sông Đà 11 tại công trình thủy điện Hòa Bình
 - Tháng 08/1993 - 05/1994: Công tác tại Phòng Tổ chức lao động tiền lương - Công ty Xây lắp Năng lượng - Tổng Công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà
 - Tháng 06/1994 - 01/1995: Làm việc tại Phòng Kinh tế Kế hoạch - Công ty Xây lắp Năng lượng nay là Công ty Cổ phần Sông Đà 11
 - Tháng 02/1995 - 08/1996: Trưởng ban Kinh tế Kế hoạch - Chi nhánh Công ty Xây lắp Năng lượng tại Yaly
 - Tháng 9/1996 – T5/1999 : Phó phòng Kinh tế kế hoạch Công ty
 - Tháng 06/1999 - 02/2004: Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty
 - Tháng 10/2004 - nay: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty
 - Tháng 02/2005 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11
 - Tháng 04/2006: Kiểm uỷ viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi

Chức vụ hiện nay:

- Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 11
- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11

Số cổ phần nắm giữ: 113.000 (Trong đó 100.000 cổ phần là đại diện cho Tổng Công ty)

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: (Không)

7.2. BAN GIÁM ĐỐC

- ❖ Ông Nguyễn Bạch Dương - Tổng Giám đốc

Lý lịch: Như trên (phần 6.1)

❖ Ông Nguyễn Đăng Bí - Phó Tổng Giám đốc

Lý lịch: Như trên (phần 6.1)

❖ Ông Lê Văn Tuấn - Phó Tổng Giám đốc

Lý lịch: Như trên (phần 6.1)

❖ Ông Võ Khánh - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Võ Khánh

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/01/1964

Nơi sinh: Đại Minh - Đại Lộc - Quảng Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đại Minh - Đại Lộc - Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: Tổ 14 - Đồng Xuân - An Khê - Thanh Khê - Đà Nẵng

Số điện thoại cơ quan: 034.517.815

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện, Kỹ sư Kinh tế

Quá trình công tác:

- Tháng 11/1988 - 12/1991: Kỹ sư điện - Xí nghiệp Sửa chữa Cơ điện
- Tháng 01/1992 - 06/1994: Kỹ sư điện - Trung tâm Thí nghiệm Điện.
- Tháng 07/1994 - 12/1996: Kỹ sư điện - Phó Quản đốc phân xưởng
- Tháng 01/1997 - 12/1999: Phó quản đốc Phân xưởng - Trung tâm Thí nghiệm điện - Công ty Điện lực 3
- Tháng 01/2000 – 05/2002: Quản đốc Phân xưởng - Trung tâm Thí nghiệm điện - Công ty Điện lực 3
- Tháng 06/2002 - 09/2004: Giám đốc Trung tâm Thí nghiệm điện - Công ty Sông Đà 11
- Tháng 09/2004 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Kiểm Giám đốc Trung tâm Thí nghiệm điện

Chức vụ hiện nay:

- Phó Tổng Giám đốc - CTCP Sông Đà 11
- Giám đốc Trung tâm Thí nghiệm điện

Số cổ phần nắm giữ: 7.480

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: (Không)

❖ **Ông Nguyễn Mạnh Hà – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hà

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 29/08/1957

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nhân Chính - Lý Nhân - Hà Nam

Địa chỉ thường trú: Số 23 Vĩnh Hồ - Đống Đa - Hà Nội

Số điện thoại cơ quan: 04.2.850.239

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện

Quá trình công tác:

- Từ 1974 - 04/1975: Học năm thứ nhất khoa điện - ĐH Bách Khoa Hà Nội
- Tháng 04/1975 - 12/1976: Đi bộ đội Quân chủng Phòng không Không quân
- Tháng 12/1976 - 1981: Học khoa điện - Đại học Bách Khoa Hà Nội hệ chính quy
- Từ 1981 - 1987: Phụ trách điện Xí nghiệp gạch Đại Thanh - Bộ Xây dựng
- Từ 1987 - 1990: Tổ trưởng tổ sửa chữa MBA – Đội thí nghiệm Công ty Xây lắp điện 1
- Từ 1990 - 1996: Quản đốc phân xưởng gia công cơ khí - Xí nghiệp Cơ khí điện
- Từ 1996 - 1998: Đội trưởng xây lắp điện nội thất
- Từ 1998 - 1999: Phó phòng kế hoạch Xí nghiệp Cơ khí điện

- Từ 1999 - 2001: Trưởng phòng kế hoạch Công ty Lắp máy
- Từ 2001 - 2005: Phó Giám đốc Công ty Lắp máy
- Tháng 05/2005 - 03/2006: Trưởng phòng Dự án - CTCP Sông Đà 11
- Tháng 03/2006 - nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Sông Đà 11

Chức vụ hiện nay:

- Phó Tổng Giám đốc CTCP Sông Đà 11

Số cổ phần nắm giữ: 10.000

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: (Không)

❖ **Ông Nguyễn Văn Sơn - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: Nguyễn Văn Sơn

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 11/06/1969

Nơi sinh: Thác Bà

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thái Hòa - Cẩm Bình - Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Tân Hòa - Hòa Bình -

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Điện Tự động hóa

Quá trình công tác:

- Từ 12/1986: Công tác tại Công ty Thủy công
- Từ 01/1988: Đội trưởng Đội bơm bê tông tại Công ty Xây dựng Công trình ngầm
- Từ 09/1991: Học trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
- Từ 04/1996: Công tác tại Công ty Xây lắp Năng lượng Sông Đà 11
- Từ 08/1996: Đội trưởng Đội điện hầm công trường Thủy điện Yaly
- Từ 07/1997: Đội trưởng Đội xây lắp số 1, Xí nghiệp Sông Đà 11.2
- Từ 04/2000: Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 11.2

- Từ 03/2006 - nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Sông Đà 11; Kiểm Giám đốc Xí nghiệp 11-2

Chức vụ hiện nay:

- Phó Tổng Giám đốc - CTCP Sông Đà 11

Số cổ phần nắm giữ: 12.000

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: (Không)

7.3. BAN KIỂM SOÁT

❖ Ông Nguyễn Mạnh Tiến - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: Nguyễn Mạnh Tiến

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 18/08/1966

Nơi sinh: Thanh Đa - Phúc Thọ - Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thanh Đa - Phúc Thọ - Hà Tây

Địa chỉ thường trú: Số 3 ngõ 443/116 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân
Hà Nội

Số điện thoại cơ quan: 045.523.398

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1985 - 02/1987: Kế toán tại Công ty Xây dựng Công trình ngầm
- Tháng 03/1987 - 05/1988: Kế toán tại Xí nghiệp Thủy công 6
- Tháng 06/1988 - 05/1989: Kế toán Công ty Xây dựng Công trình ngầm
- Tháng 06/1989 - 10/1991: Kế toán tại Công ty Xây dựng Thủy điện Yaly
- Tháng 11/1991 - 10/1992: Phó Kế toán trưởng tại Công ty Xây dựng Thủy điện Yaly

- Tháng 11/1992 - 12/1993: Chuyên viên Phòng Kế toán đại diện Tổng Công ty tại miền Trung; Kế toán trưởng Ban Quản lý dự án Iamnonng
- Tháng 01/1994 - 05/1996: Chuyên viên Kế toán tại phòng Tài chính Kế toán - Tổng Công ty Sông Đà
- Tháng 06/1996 - 08/1997: Phó Kế toán trưởng - Tổng Công ty Sông Đà
- Tháng 09/1997 - 04/1998: Phó Kế toán trưởng Tổng Công ty; Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 15
- Tháng 04/1998 - 03/2000: Phó Kế toán trưởng Tổng Công ty
- Tháng 04/2000 - 04/2001: Phó Kế toán trưởng Tổng Công ty; Kế toán trưởng Công ty Thủy điện B.O.T Cần Đơn
- Tháng 05/2001 - nay: Phó Kế toán trưởng Tổng Công ty

Chức vụ hiện nay:

- Phó Kế toán trưởng Tổng Công ty Sông Đà
- Trưởng Ban kiểm soát CTCP Sông Đà 11

Số cổ phần nắm giữ: 100.000 (Đại diện cho Tổng Công ty)

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: (Không)

❖ Ông Ngô Văn Đễ - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: Ngô Văn Đễ

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 24/12/1952

Nơi sinh: Phú Cốc - Phạm Ngũ Lão - Kim Động - Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phú Cốc - Phạm Ngũ Lão - Kim Động - Hưng Yên

Địa chỉ thường trú: 1B Ngõ 6 - Ao Sen - Văn Mỗ - Hà Đông - Hà Tây

Số điện thoại cơ quan: 034.513.703

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Tháng 12/1969 - 11/1972: Công nhân Nhà máy Thủy điện Thác Bà - Yên Bái
- Tháng 12/1972 - 04/1973: Học bồi dưỡng nghiệp vụ Thống kê - Kế hoạch tại Thác Bà - Yên Bái
- Tháng 05/1973 - 05/1978: Nhân viên phòng Kỹ thuật Kế hoạch, Công trường Cơ điện - Công ty Xây dựng Thủy điện Thác Bà
- Tháng 06/1978 - 07/1983: Học Đại học Tài chính Kế toán.
- Tháng 10/1983 - 10/1984: Phó phòng Tài chính Kế toán - Bí thư đoàn Công ty Xây lắp Năng lượng Sông Đà - Tổng Công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà
- Tháng 11/1984 - 06/1986: Phó phòng Tài chính Kế toán - Chủ tịch công đoàn Công ty Xây lắp Năng lượng Sông Đà - Tổng Công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà
- Tháng 07/1986 - 12/1989: Trưởng phòng tổ chức lao động Công ty Xây lắp Năng lượng Sông Đà
- Tháng 09/1987 - 12/1987: Học lớp trưởng phòng Trường Bồi dưỡng cán bộ - Bộ Xây dựng
- Tháng 01/1990 - 10/1990: Phó quản đốc Xí nghiệp I - Công ty Xây lắp Năng lượng Sông Đà
- Tháng 10/1990 - 12/1991: Học lớp Quản lý Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân - Hà Nội
- Tháng 01/1991 - 04/1991: Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Công ty Sông Đà 11
- Tháng 05/1991 - 10/1994: Phó phòng Tổ chức lao động Tổng Công ty
- Tháng 10/1994 - 02/2000: Phó ban Tổ chức Đảng ủy Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà
- Tháng 03/2000 - 04/2001: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính; Chủ tịch Công đoàn Công ty Sông Đà 11
- Tháng 10/2001 - nay: Phó bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Sông Đà 11

Chức vụ hiện nay:

- Thành viên Ban kiểm soát - CTCP Sông Đà 11
- Phó bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Công đoàn CTCP Sông Đà 11

Số cổ phần nắm giữ: 62.000 (Trong đó 50.000 cổ phần là đại diện cho

Tổng Công ty)

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: (Không)

❖ **Ông Đặng Xuân Thu – Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: Đặng Xuân Thu

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 06/02/1960

Nơi sinh: Đồng Lạc - Chương Mỹ - Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đồng Lạc - Chương Mỹ - Hà Tây

Địa chỉ thường trú: 112 H4 - Thanh Xuân Nam - Thanh Xuân - Hà Nội

Số điện thoại cơ quan: 034.510.735

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Tháng 11/1978 - 11/1982: Bộ đội C5 - D2 - E653 - Quân khu 3
- Tháng 12/1982 - 03/1983: Chuyển ngành về TCT Sông Đà.
- Tháng 04/1983 - 06/1994: Lái xe Tổng Công ty Sông Đà
- Tháng 07/1994 - 12/1994: Lái xe Liên hiệp các xí nghiệp đá cát sỏi 17 An Dương
- Tháng 01/1995 - 06/1996: Lái xe Công ty Vật liệu Xây dựng
- Tháng 04/2000 - 06/2002: Phó phòng Tổ chức hành chính - Công ty Xây lắp Vật liệu Xây dựng
- Tháng 07/2002 - 12/2003: Phó phòng Tổ chức hành chính – Công ty Sông Đà 11
- Tháng 01/2004 - nay: Trưởng phòng Tổ chức CTCP Sông Đà 11

Chức vụ hiện nay:

- Thành viên Ban kiểm soát - CTCP Sông Đà 11
- Trưởng phòng Tổ chức CTCP Sông Đà 11

Số cổ phần nắm giữ: 57.280 (Trong đó 50.000 cổ phần là đại diện cho Tổng Công ty)

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: (Không)

7.4. KẾ TOÁN TRƯỞNG.

❖ Ông Đoàn Ngọc Ly - Kế toán trưởng CTCP Sông Đà 11

Họ và tên: Đoàn Ngọc Ly

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 10/08/1974

Nơi sinh: Nghĩa Hòa - Nghĩa Hưng - Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nghĩa Hòa - Nghĩa Hưng - Nam Định

Địa chỉ thường trú: Số 5 ngõ 495 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

Số điện thoại cơ quan: 04.2129480

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1995 - 03/1998: Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Sông Đà 2
- Tháng 04/1998 - 04/1999: Kế toán trưởng liên danh Sông Đà 2 & Công ty Xây dựng phát triển Lào để xây dựng Nhà máy Thủy điện Nậm Sặt - Tỉnh Hòa Bình - Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào
- Tháng 05/1999 - 03/2000: Trưởng ban Tài chính kế toán Xi nghiệp Sông Đà 204 tại Yaly - Công ty Sông Đà 2
- Tháng 03/2000 - 07/2000: Trưởng ban Tài chính kế toán Chi nhánh Hà Nội - Công ty Sông Đà 2
- Tháng 08/2000 - 11/2000: Nhân viên Phòng Tài chính kế toán - Công ty Xây lắp Năng lượng Sông Đà 11
- Tháng 11/2000 - 07/2003: Trưởng ban Tài chính kế toán Xi nghiệp Sông Đà 11-3 - CT Sông Đà 11

- Tháng 08/2003 - 07/2005: Phó Kế toán trưởng CTCP Sông Đà 11
- Tháng 08/2005 - nay: Kế Toán trưởng CTCP Sông Đà 11

Chức vụ hiện nay:

- Kế toán trưởng - CTCP Sông Đà 11

Số cổ phần nắm giữ: 32.230

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: (Không)

8. Tài sản

8.1. Cơ sở nhà xưởng - văn phòng

➤ *Trụ sở chính Công ty*

- Địa chỉ: Km 10 đường Trần Phú - Văn Mỗ - Hà Đông - Hà Tây

➤ *Xí nghiệp Sông Đà 11.1*

- Địa chỉ: Xã Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La.
- Nhiệm vụ chính: Tham gia thi công xây lắp thủy điện Sơn La, Nậm Chiến, các công trình khu vực Tây Bắc và mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác.

➤ *Xí nghiệp Sông Đà 11.2*

- Địa chỉ: Phường Hoa Lư - Thành phố Pleiku - Tỉnh Gia Lai.
- Nhiệm vụ chính: Tham gia thi công xây lắp thủy điện Sê san 3, Sê san 3A, Xêkamán3, Pleikông, Sê san 4, Eakrông Rou, các công trình khu vực Tây Nguyên và mở rộng các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác.

➤ *Xí nghiệp Sông Đà 11.3*

- Địa chỉ: G9 Thanh Xuân Nam - Thanh xuân - Hà Nội.
- Nhiệm vụ chính: Xây lắp và quản lý vận hành hệ thống điện nước tại thủy điện Bán Vẽ. Xí nghiệp cũng nhận thầu xây lắp công trình khu vực Hà Nội và các tỉnh lân cận.

➤ *Xí nghiệp Sông Đà 11.4*

- Địa chỉ: Phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Nhiệm vụ chính: Thi công xây lắp điện, nước Xi măng Hạ Long. Xí nghiệp cũng chuyên thầu xây lắp tại tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh khu vực Đông Bắc.

➤ *Xí nghiệp Sông Đà 11.5*

- Địa chỉ: Thành phố Đà Nẵng.
- Nhiệm vụ chính: Thi công đường dây và trạm điện đến 500KV tại khu vực Miền Trung và mở rộng các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác.
- **Nhà máy thủy điện Thác Trắng**
 - Địa chỉ: Thành phố Điện Biên - Tỉnh Điện Biên.
 - Nhiệm vụ chính: Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm.
- **Trung tâm thí nghiệm điện**
 - Địa chỉ: Thị xã Hà Đông - tỉnh Hà Tây.
 - Nhiệm vụ chính: Lắp đặt, thí nghiệm - hiệu chỉnh các thiết bị điện của đường dây, trạm biến áp, các nhà máy thủy điện, các dây chuyền công nghệ và sản xuất công nghiệp như chế tạo tủ bảng điện, các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác.

8.2. Giá trị tài sản cố định của Công ty

Bảng 9: Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2005

Đơn vị: Đồng

| STT | Khoản mục | Nguyên giá | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|----------|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| A | Tài sản cố định hữu hình | 40.664.840.101 | 16.947.289.979 | 23.717.550.122 |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 500.347.453 | 176.057.787 | 324.289.666 |
| 2 | Máy móc và thiết bị | 20.004.650.440 | 8.696.656.278 | 11.307.994.162 |
| 3 | Phương tiện vận tải truyền dẫn | 17.909.174.149 | 6.745.536.607 | 11.163.637.542 |
| 4 | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 2.250.668.059 | 1.329.039.307 | 921.628.752 |
| B | Tài sản cố định vô hình | 1.729.470.426 | 144.122.535 | 1.585.347.891 |
| 1 | Thương hiệu Sông Đà | 1.000.000.000 | 83.333.340 | 916.666.660 |
| 2 | Tài sản cố định vô hình khác | 729.470.426 | 60.789.195 | 668.681.231 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2004, 2005)

Bảng 10: Tài sản cố định của Công ty vào thời điểm ngày 30/9/2006

Đơn vị: Đồng

| STT | Khoản mục | Nguyên giá | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|----------|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| A | Tài sản cố định hữu hình | 44.973.645.902 | 22.586.026.247 | 22.387.619.655 |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 500.347.453 | 240.836.610 | 259.510.843 |

| STT | Khoản mục | Nguyên giá | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|----------|--------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| 2 | Máy móc và thiết bị | 21.709.716.724 | 12.028.627.715 | 9.681.089.009 |
| 3 | Phương tiện vận tải truyền dẫn | 20.115.300.746 | 8.454.790.324 | 11.660.510.422 |
| 4 | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 2.648.280.979 | 1.861.771.598 | 786.509.381 |
| B | Tài sản cố định vô hình | 1.729.470.426 | 273.832.812 | 1.455.907.614 |
| 1 | Thương hiệu Sông Đà | 1.000.000.000 | 158.333.336 | 841.666.664 |
| 2 | Tài sản cố định vô hình khác | 729.470.426 | 115.499.476 | 614.240.950 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2004, 2005)

Chú thích: Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

9. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Bảng 11: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 2006 | | 2007 | | 2008 | |
|------------------------------|---------|-------------|---------|-------------|---------|-------------|
| | Tr đồng | % tăng/giảm | Tr đồng | % tăng/giảm | Tr đồng | % tăng/giảm |
| Doanh thu thuần | 202.477 | 29% | 235.084 | 16% | 258.900 | 10% |
| Lợi nhuận sau thuế | 7.012 | 2,2% | 7.700 | 10% | 8.500 | 10% |
| LN sau thuế/ Doanh thu thuần | 3,5% | -20,7% | 3,3% | -6% | 3,3% | 0% |
| LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 28% | 22,8% | 28% | 0% | 28% | 0% |
| Tỷ lệ cổ tức | 15,5% | 3,3% | 16% | 3,2% | 16,5% | 3,1% |

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

10. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Để đạt được kế hoạch lợi nhuận, Công ty đã đề ra kế hoạch doanh thu đối với từng lĩnh vực kinh doanh như sau.

Bảng 12: Kế hoạch doanh thu 2006 - 2008

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 2006 | 2007 | 2008 |
|--------------------------------|---------|---------|---------|
| A. Giá trị sản xuất kinh doanh | 260.000 | 285.000 | 310.000 |
| 1. Xây lắp | 226.300 | 238.694 | 251.474 |

| Chỉ tiêu | 2006 | 2007 | 2008 |
|-----------------------------------|---------|---------|---------|
| 2. SX công nghiệp | 5.283 | 21.700 | 28.400 |
| 3. Gtrị KD bán SP phục vụ xây lắp | 12.067 | 9.045 | 9.300 |
| 4. Gtrị KD vật tư, vận tải, điện | 16.388 | 10.561 | 10.826 |
| 5. KD nhà và hạ tầng | | 5.000 | 10.000 |
| B. Doanh số bán hàng | 222.725 | 258.592 | 284.451 |
| 1. Doanh thu : | 202.477 | 235.084 | 258.592 |
| Xây lắp | 174.839 | 196.361 | 209.932 |
| SX công nghiệp | 4.803 | 17.082 | 23.991 |
| Gtrị KD bán SP phục vụ xây lắp | 8.776 | 7.950 | 6.191 |
| Gtrị KD vật tư, vận tải, điện | 14.059 | 9.601 | 9.842 |
| KD nhà và hạ tầng | | 4.090 | 8.636 |
| 2. Thuế GTGT đầu ra | 20.248 | 23.508 | 25.859 |

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

❖ Về lĩnh vực đầu tư:

Công ty đề ra mục tiêu trong giai đoạn tới là tiếp tục đẩy mạnh đầu tư, nâng cao năng lực cho tương xứng với những nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã đề ra và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

❖ Về tổ chức sản xuất:

Kiên toàn bộ máy lãnh đạo từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc, kiên quyết loại bỏ các khâu trung gian, số lao động dôi dư làm việc kém hiệu quả ra khỏi bộ máy quản lý điều hành.

Luôn luôn kiên toàn lại tổ chức để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh. Công ty chủ trương xây dựng thành đơn vị có chức năng kinh doanh tổng hợp, đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hóa sản phẩm và xây dựng các đơn vị trực thuộc thành những đơn vị có chức năng chuyên sâu, vững mạnh trên cơ sở phát huy quyền làm chủ tập thể của CBCNV, chủ động sáng tạo, phát huy thế mạnh vùng và lĩnh vực sản xuất kinh doanh của từng đơn vị trực thuộc để đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

❖ Về Marketing

Nhận thức được vai trò của công tác thị trường, Công ty chú trọng đẩy mạnh hoạt động Marketing, dựa vào thị trường để đưa ra quyết định đầu tư, nhằm chiếm lĩnh thị phần tiêu thụ

sản phẩm khi dự án đi vào hoạt động. Đặc biệt, Công ty hướng tới hai khách hàng truyền thống là Tổng Công ty Sông Đà và Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.

Bộ phận tiếp thị đấu thầu của Công ty cũng đưa ra chiến lược Marketing hiệu quả để tăng khả năng tiêu thụ các sản phẩm Công nghiệp và các sản phẩm khác, tăng cường quảng bá sản phẩm, thương hiệu của Công ty trên thương trường, khẳng định vị thế của Công ty bằng chất lượng sản phẩm, dịch vụ, uy tín và giá thành hạ.

Nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ tiếp thị đấu thầu, đồng thời yêu cầu cán bộ làm công tác Marketing luôn phải cập nhật các thông tin mới. Bên cạnh đó, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện cho cán bộ tiếp thị đấu thầu, bộ phận làm hồ sơ thầu, bộ phận nghiên cứu thị trường và lập các dự án đầu tư phát triển công ty.

Tăng cường liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài Tổng công ty trên cơ sở phát huy sức mạnh tổng hợp, nâng cao khả năng thắng thầu và đầu tư những dự án lớn.

Tìm những biện pháp hạ giá thành sản phẩm, hạ chi phí đầu tư, tăng sức cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo uy tín và khẳng định vị thế của Công ty.

❖ Về quản lý kỹ thuật công nghệ

Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO vào ngày 07/11/2006, kéo theo đó là sự có mặt của các đối thủ cạnh tranh nước ngoài là tất yếu không thể tránh khỏi. Để tăng cường khả năng cạnh tranh của Công ty trước những diễn biến mới, Công ty chú trọng đẩy mạnh việc quản lý kỹ thuật công nghệ như sau:

Công ty tiến hành xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO: 9001-2000 cho bộ máy quản lý Công ty và các đơn vị trực thuộc, đảm bảo đến năm 2010 toàn bộ Công ty sẽ vận hành theo quy trình quản lý chất lượng ISO: 9001-2000.

Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO: 9001-2000 cho các sản phẩm do Công ty thực hiện từ thi công xây lắp cho đến các sản phẩm công nghiệp.

Trong công tác quản lý vận hành sản xuất điện tại các nhà máy thủy điện, Công ty chủ trương đẩy mạnh nghiên cứu để có các giải pháp hiệu quả, nâng cao năng suất hữu ích của nhà máy như hệ thống mạch tự động hóa...

Nâng cao năng lực tư vấn và thiết kế các công trình điện, nước có quy mô vừa và nhỏ. Nâng cao năng lực về thí nghiệm hiệu chỉnh, duy tu bảo trì, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện, các thiết bị điện, hệ thống điều khiển, tự động hóa.

Áp dụng quy trình quản lý chất lượng và những thành tựu khoa học kỹ thuật vào trong quản lý các công trình xây lắp và đầu tư, đảm bảo đưa các công trình vào sử dụng đáp ứng tiêu chí: An toàn, chất lượng, đúng tiến độ, với giá thành và chi phí ngày càng hạ, tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường.

❖ Về nguồn nhân lực

Nhân lực là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển của bất kỳ công ty nào. Nhận thức được ý nghĩa này, Công ty đề ra kế hoạch phù hợp để xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực đủ về lượng, mạnh về chất: Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giàu kinh nghiệm, đủ khả năng đáp ứng được với những diễn biến phức tạp trên thị trường; Đội ngũ cán bộ kỹ thuật giỏi chuyên môn, nghiệp vụ; Đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao.

Công ty chú trọng việc phát triển, bồi dưỡng, thu hút, sử dụng và đãi ngộ đội ngũ trí thức, sinh viên giỏi mới ra trường, các chuyên gia có trình độ cao; giành những ưu đãi thích hợp, hỗ trợ về nhà ở, tuyển dụng và các hình thức đãi ngộ khác để thu hút nhân tài về cho Công ty. Đồng thời, Công ty lập quỹ tài chính, tổ chức trao các loại giải thưởng; cải cách chế độ tiền lương, chế độ cung cấp và tiếp cận thông tin, tạo mọi điều kiện vật chất, môi trường làm việc, các hoạt động chuyên môn và đời sống sinh hoạt cho đội ngũ trí thức, chuyên gia để họ yên tâm cống hiến tài năng và trí tuệ, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Hàng năm, Công ty tổ chức tuyển chọn và hỗ trợ kinh phí thích đáng để cử cán bộ, công nhân viên có thành tích, triển vọng phát triển tốt và có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty trong những lĩnh vực cần thiết đi đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn. Đồng thời, Công ty chú trọng tạo cơ hội phát triển cho các cán bộ giỏi, chuyên gia có trình độ cao, đưa họ trở thành cán bộ đầu đàn để phát triển nguồn nhân lực của Công ty.

Kiên toàn tổ chức bộ máy chuyên môn, nghiệp vụ theo hướng tinh giảm tối đa, sắp xếp biên chế theo chức năng, nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Qui định chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng, tránh chồng chéo, không hiệu quả.

Các cán bộ tuyển dụng phải thông qua thi tuyển theo đúng quy chế tuyển dụng, không tuyển dụng qua giới thiệu. Hình thức thi tuyển phải thực hiện theo quy chế rõ ràng, tạo sức thu hút những cán bộ quản lý và công nhân giỏi. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng hệ thống tiêu chuẩn cho cán bộ quản lý, kỹ thuật và công nhân kỹ thuật đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Đảm bảo đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ bảo trợ khác đối với người lao động. Thực hiện ký kết hợp đồng lao động với mọi thành viên trong Công ty, tổ chức ký thỏa ước lao động tập thể giữa lãnh đạo Công ty và Công đoàn Công ty để đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Căn cứ vào phương án phát triển sản xuất kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ và tình hình nhân lực hiện tại, trong những năm tới, nhu cầu nhân sự của Công ty cần thay đổi, bổ sung cả về số lượng và chất lượng.

Đối với một số lĩnh vực cần có những chuyên gia đầu ngành để áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, Công ty sẽ có kế hoạch cụ thể để cử đi đào tạo ở nước ngoài.

❖ Về quản lý kinh tế tài chính

Hàng năm, căn cứ vào quy mô, tốc độ phát triển, Công ty sẽ nghiên cứu sửa đổi điều lệ, quy chế tài chính đảm bảo đúng pháp luật.

Thực hiện phân cấp quản lý kinh tế tài chính, quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc để phát huy tính năng động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cao.

Xây dựng và giao kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính, vốn lưu động, kế hoạch thu vốn, đặc biệt là kế hoạch chi phí và lợi nhuận cho các đơn vị, hàng tháng kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch, tìm nguyên nhân để đề ra biện pháp kịp thời khắc phục.

Phân cấp các mặt quản lý một cách triệt để, tạo tính chủ động tối đa cho các đơn vị trực thuộc phát huy quyền và trách nhiệm đối với hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo mục tiêu cao nhất là lợi nhuận.

Tăng cường công tác hạch toán kịp thời, chính xác làm cơ sở kiểm tra, quản lý các chi phí theo kế hoạch giá thành, xây dựng định mức đơn giá nội bộ, áp dụng các biện pháp khoán về chi phí. Đối với các công trình trúng thầu, xây dựng giá thành theo giá trúng thầu để khoán cho đơn vị trực thuộc bằng hợp đồng giao khoán với mức hạ giá thành và lợi nhuận cụ thể. Đối với các công trình chưa có dự toán thì xây dựng định mức đơn giá nội bộ để khoán theo thành phần chi phí.

Xây dựng chiến lược về vốn, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Thực hiện quản lý tốt nguồn vốn trong đầu tư, đảm bảo kế hoạch vay và trả nợ đúng hạn.

Tăng cường cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm chi phí trong toàn Công ty, đây là biện pháp chủ đạo trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng vốn bổ sung từ lợi nhuận.

Thực hiện tốt công tác quản lý sản xuất kinh doanh thông qua công tác quản lý kế hoạch như kế hoạch sản xuất, tiến độ, chất lượng, tài chính, tiết kiệm...

Mở rộng hình thức liên danh, liên kết để thu hút vốn đầu tư và tận dụng tất cả các tiềm năng hiện có của đơn vị, đảm bảo đủ vốn kịp thời phục vụ cho sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác thu vốn và công nợ.

❖ Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên

Công ty chú trọng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, tăng thu nhập hàng năm cho cán bộ công nhân viên, đảm bảo cho người lao động có cuộc sống ổn định, gắn bó với Công ty.

Đảm bảo cổ tức ổn định qua các năm với cổ tức năm sau cao hơn năm trước.

Cải thiện điều kiện môi trường làm việc cho người lao động, thực hiện nghiêm túc công tác an toàn và bảo hộ lao động.

❖ Các hợp đồng lớn đã ký kết và đang thực hiện :

Bảng 13: Danh mục các hợp đồng kinh tế đã ký kết

Đơn vị: 1.000 đồng

| TT | Số hợp đồng | Ngày ký | Thời gian thực hiện | Phạm vi cung cấp chính | Tên chủ thể hợp đồng, chủ dự án | Giá trị |
|----|---------------------------|------------|---------------------|---|--------------------------------------|--------------------------------|
| 1 | 2-2005/TT-EVN/IPP | 03/02/05 | 2006-2031 | Bán điện thương phẩm cho EVN. | Tổng công ty điện lực Việt Nam | Theo công suất thực tế nhà máy |
| 2 | 05/2005/EVN-AMT-KH | 02/02/05 | 2005-2006 | TC XL gói thầu số 8 công trình ĐZ 220KV Huế - Đồng Hới | Ban QLDA CT điện Miền Trung | 20.481.410 |
| 3 | 148 ĐL1/BDAL Đ-KH | 07/12/05 | 2005-2006 | XL ĐZ 110kV Mông D-ong- Hoành Bồ | BQLDA lưới điện - Công ty Điện lực 1 | 9.222.764 |
| 4 | 103/HĐ-HTCN | 17/10/2005 | 2005-2006 | HTCN Hoá An - Tân Hạnh -GD1 TP Biên Hoà - Đồng Nai | CTy TNHH 1TV XD cấp nước Đồng Nai | 9.488.627 |
| 5 | 16/HĐKT-BQL/2005 | 12/06/05 | 2005-2006 | Mạng điện đấu nối đồng bộ AC-110kV | BQLDA NMTĐ Srok Phu Miêng | 18.934.618 |
| 6 | 79/2005/AMT | 29/12/2005 | 2006 | TC ĐZ Tuy Hoà - Nha Trang | BQL dự án công trình điện Miền Trung | 29.326.000 |
| 7 | 86/HĐKT - AMB-P2 | 28/12/2005 | 2006 | TC ĐZ220kV Hà Khẩu - Lào Cai | BQL dự án công trình điện Miền Bắc | 23.107.000 |
| 8 | số 13/2005/HĐKT-XL/CPSĐ11 | 5/2005 | 2004-2006 | TC các công trình phục vụ thi công, công trình phụ, phụ trợ, xây lắp CT công cộng và san nền khu phụ trợ Sêsan 3A | Tổng công ty Sông Đà | 44.000.000 |
| 9 | 11-BĐH/HĐKT-SS4 | 03/05/05 | 2005-2006 | Giao thầu xây lắp công trình TĐ Sê San 4 | BĐH DA TĐ Sê San 4 | 8.200.000 |
| 10 | 02/2005/-TCT-SĐ11 | 15/3/2005 | 2005-2006 | Giao nhận thầu TC lắp đặt TB trạm OPY 22kV và TNHC đa vào vận hành NMTĐ Sê san 3A | Tổng công ty Sông Đà | 9.300.000 |
| 11 | 16/2005/BĐH-SĐ11 | 08/11/05 | 2005-2006 | Xây dựng, lắp đặt thiết bị điện thí nghiệm hiệu chỉnh TB và đa vào vận hành CT TĐ Sê San 3 | BĐH DA TĐ Sê San 3 | 22.081.484 |
| 12 | Số 11/2005/HĐKT-XL/CPSĐ11 | 23/5/2005 | 2005-2008 | Thi công xây lắp các hạng mục công trình thủy điện Sơn La | Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La | 42.354.000 |
| 13 | 11HĐXD/XMHL/2006 | 23/03/06 | 2006-2008 | Xây dựng một số hạng mục CT NM xi măng Hạ Long | Tổng công ty Sông Đà | 64.058.240 |

| TT | Số hợp đồng | Ngày ký | Thời gian thực hiện | Phạm vi cung cấp chính | Tên chủ thể hợp đồng, chủ dự án | Giá trị |
|----|------------------------|----------|---------------------|---|---|--------------------|
| 14 | 01E.HĐ-XD/2006 | 04/01/06 | 2006-2007 | Cấp điện thi công ĐZ trên không 35KV tuyến rừ TBA 110/35/6kV M-ờng La đến Nhà máy | Công ty cổ phần thủy điện Nậm Chiến | 10.475.350 |
| 15 | 24/2006/HĐ/SĐ-SĐ11 | 20/06/06 | 2006-2008 | Thi công xây dựng các hạng mục công việc tại công trình thủy điện Xêkaman 3 | Tổng công ty Sông Đà | 120.100.000 |
| 16 | 04-2006/BĐH/HĐXD-SĐ11 | 01/03/06 | 2006-2008 | Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh Nhà máy thủy điện Tuyên Quang | BĐH DA TĐ Tuyên Quang | 34.552.000 |
| 17 | 19/EVN/AMB/HĐXL/2006 | 15/02/06 | 2006-2007 | XLĐZ 500KV Quảng Ninh - T. Tín | BQLDA CT Điện Miền Bắc | 52.768.000 |
| 18 | 05/HĐ/XDCN | 27/02/06 | 2006 | Tuyến ống truyền tải cấp nước cho KCN Bàu Xéo | Cty TNHH một thành viên cấp nước Đồng Nai | 13.596.417 |
| 19 | 39/EVN/AMB/HĐXL/2006 | 12/04/06 | 2006-2007 | XLĐZ 220KV Bản Lả - Vinh | BQLDA CT Điện Miền Bắc | 47.568.000 |
| 20 | CV số 3170/CV-EVN-QLĐT | 13/07/06 | 2006-2007 | XL ĐZ 220KV Hà Giang - Tuyên Quang | BQL các công trình điện Miền Trung | 20.000.000 |
| | Tổng cộng | | | | | 595.113.910 |

11. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận.

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Đà 11.

❖ Triển vọng phát triển của ngành

Lĩnh vực hoạt động và định hướng phát triển của Công ty phù hợp với chiến lược phát triển của nền kinh tế nói chung và của ngành điện nói riêng. Theo định hướng chiến lược mà Thủ tướng chính phủ chính phủ phê duyệt ngày 5 tháng 10 năm 2004, phát triển nguồn điện, hệ thống lưới điện cần phải được chú trọng để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo an ninh, quốc phòng của đất nước trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế; đáp ứng nhu cầu điện cho sinh hoạt của nhân dân; đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia. Bên cạnh đó, theo dự báo của Viện năng lượng tốc độ tăng trưởng điện sản xuất trong giai đoạn 2006-2010 sẽ là 16,1% và tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm cũng tương ứng là 16,3%. Đây là

những tiền đề rất thuận lợi để Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp tục tăng trưởng ổn định.

Ngoài ra, nền kinh tế Việt Nam đang trên đà tăng trưởng ổn định và bền vững với mức tăng trưởng GDP hàng năm từ 7-8%, đặc biệt tốc độ này là 8,4% năm 2005. Theo ông Klaus Rohland, giám đốc World Bank tại Việt Nam tốc độ tăng trưởng GDP năm 2006 hy vọng sẽ vào khoảng trên 8%. Cùng với sự khởi sắc của nền kinh tế, lĩnh vực xây lắp điện, nước cũng như sản xuất công nghiệp sẽ có tiền đề vững chắc để phát triển. Như vậy, với tiềm năng phát triển của nền kinh tế và định hướng chiến lược phát triển ngành điện thì viễn cảnh của ngành là tương đối khả quan.

❖ Triển vọng phát triển của Công ty

Lĩnh vực xây lắp trong tương lai vẫn đóng vai trò chủ đạo của Công ty. Với tư cách là đơn vị thành viên, Công ty được Tổng Công ty giao cho nhiệm vụ thi công xây lắp điện, nước tại nhiều công trình quan trọng của Quốc gia. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu, chủ động tìm kiếm thêm đầu ra cho sản phẩm.

Thời gian gần đây, Công ty mở rộng hoạt động đầu tư sang lĩnh vực sản xuất công nghiệp như sản xuất đá xây dựng, đầu tư dự án cung cấp nước sạch, đầu tư xây dựng các khu đô thị. Những lĩnh vực kinh doanh này mang tính nhạy cảm với môi trường kinh tế-xã hội hơn so với lĩnh vực truyền thống của Công ty. Trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam phát triển thuận lợi như hiện nay thì lĩnh vực sản xuất công nghiệp ít gặp những hiểm họa đe dọa tới tiềm năng phát triển. Tuy nhiên, trong dài hạn thì những ảnh hưởng của nền kinh tế sẽ phần nào tác động tới hoạt động này của Công ty.

Về lĩnh vực đầu tư tài chính trong định hướng Công ty đã đưa ra sẽ đầu tư góp vốn mua cổ phần của một số doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ngành điện, nước và vật liệu xây dựng, ngoài ra Công ty cũng đang nghiên cứu về việc đầu tư trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm. Lĩnh vực kinh doanh này là lĩnh vực mới của Công ty nhưng trong điều kiện kinh tế Việt nam Phát triển như hiện nay thì

Thị trường nhà đất hiện nay vẫn chưa thấy những dấu hiệu khởi sắc nên các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị sẽ phần nào mang tính rủi ro, Công ty có nguy cơ bị đọng vốn. Tuy nhiên, lĩnh vực này cũng chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty, nên cũng sẽ không có những ảnh hưởng đáng kể tới kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, xét về dài hạn, nhu cầu xây dựng khu đô thị vẫn có triển vọng phát triển cao. Theo một số nghiên cứu gần đây dự báo, tỷ lệ đô thị hóa bình quân ở Việt Nam vào năm 2010 sẽ là khoảng 30% và 50% vào năm 2020. Với Hà Nội, hiện nay tỷ lệ đô thị hóa xấp xỉ 57%, dự báo năm 2010 là 70% và khoảng 85% năm 2020. Đây là những dự báo hết sức tích cực, mở ra nhiều triển vọng về hoạt động kinh doanh, khai thác nhà ở và khu đô thị cho Công ty trong những năm tới.

Như vậy triển vọng phát triển của Công ty là tương đối khả quan, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, với chủ trương chính sách của Chính phủ. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đề ra giai đoạn 2006-2008 là có tính khả thi cao và Công ty cũng sẽ đảm bảo được mức chi trả cổ tức đề ra. Chúng tôi cũng cho rằng tỷ lệ chi trả cổ tức như kế hoạch Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư, nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Mọi ý kiến đánh giá trên đây được VCBS đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, của ngành và của Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức xin đăng ký

Không có

13. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán đăng ký

Không có

IV. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ

1. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
3. Tổng số chứng khoán: 2.000.000 cổ phiếu
4. Phương pháp tính giá

Giá sổ sách cổ phiếu ngày 31/12/2005 được tính như sau:

$$\frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{30.098.063.879}{200.000} = 150.490 \text{ đồng}$$

(Mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu)

Giá sổ sách cổ phiếu ngày 30/09/2006 được tính như sau:

$$\frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{33.398.877.330}{2.000.000} = 16.699 \text{ đồng}$$

(Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Cho đến thời điểm 30/09/2006, Công ty chưa có cổ đông nước ngoài sở hữu cổ phiếu. Điều lệ Công ty không quy định giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Theo Thông tư số 90/2005/TT-BTC ngày 17/10/2005 của Bộ Tài Chính về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào Thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng của tổ chức phát hành. Sau khi đăng ký giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài đối với cổ phiếu Công ty sẽ tuân thủ theo quy định trên.

6. Các loại thuế có liên quan

❖ Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế. Thuế giá trị gia tăng áp dụng cho từng mặt hàng như sau:

- Hoạt động kinh doanh xây lắp
- Các công trình phát sinh từ năm 2004 10%
- Các công trình dở dang từ năm 2003 chuyển sang 5%
- Hoạt động kinh doanh khác 10%

❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp: 28% tính trên thu nhập chịu thuế:

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 là Doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa theo Nghị định 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002 của Chính phủ. Theo đó, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp Thông tư số 98/2002/TT-BTC ngày 24/10/2002 của Bộ Tài Chính. Cụ thể, Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm tiếp theo. Như vậy, Quý IV năm 2004 và năm 2005 Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Số thuế này được bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

- Số thuế Thu nhập doanh nghiệp quý IV năm 2004 Công ty được miễn giảm là: 1.217.807.242 * đồng (ưu đãi 100%).
- Số thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2005 Công ty được miễn giảm là: 1.921.751.344 đồng (ưu đãi 100%).

❖ Thuế liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch chứng khoán:

Theo quy định tại Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004, doanh nghiệp cổ phần hoá thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán thì ngoài các ưu đãi đối với việc

* Khoản thuế phải nộp = 28%* thu nhập chịu thuế

cổ phần hoá còn được hưởng thêm các ưu đãi theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Theo công văn 10997/BTC- CST, nếu Công ty đăng ký giao dịch chứng khoán tại TTGDCK Hà Nội trước ngày 01/01/2007, Công ty vẫn được tiếp tục hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo công văn 5248/TC-CST ngày 29/04/05 của bộ tài chính về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho tổ chức đăng ký giao dịch. Ngoài việc hưởng các ưu đãi thuế khi chuyển sang công ty cổ phần như nêu trên, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 2 năm. Thời gian được hưởng ưu đãi do có chứng khoán đăng ký giao dịch được tính liên tục kể từ khi kết thúc thời hạn miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

❖ **Các loại thuế khác:**

Công ty kê khai và nộp theo qui định

V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 17. VCB Tower. 198 Trần Quang Khải – Tp.Hà Nội

Điện thoại: 04.9.360024

Fax: 04.9.360262

Chi nhánh: Tầng 1. số 70 Phạm Ngọc Thạch – Quận 3. Tp.HCM

Điện thoại: 04. 9.360.024

Fax: 04. 9.360.262

Web site: www.vcbs.com.vn

- Quyết định thành lập số: 27/QĐ-HĐQT ngày 07 tháng 01 năm 2002 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0104000069 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 04 năm 2002.
- Giấy phép hoạt động Kinh doanh chứng khoán số: 09/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 04 năm 2002.
- Giấy phép hoạt động Lưu ký chứng khoán số: 12/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 05 năm 2002.

2. Công ty kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

Trụ sở chính: 877 Hồng Hà - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Số điện thoại: 04. 9.324.133

Fax: 04. 9.324.113

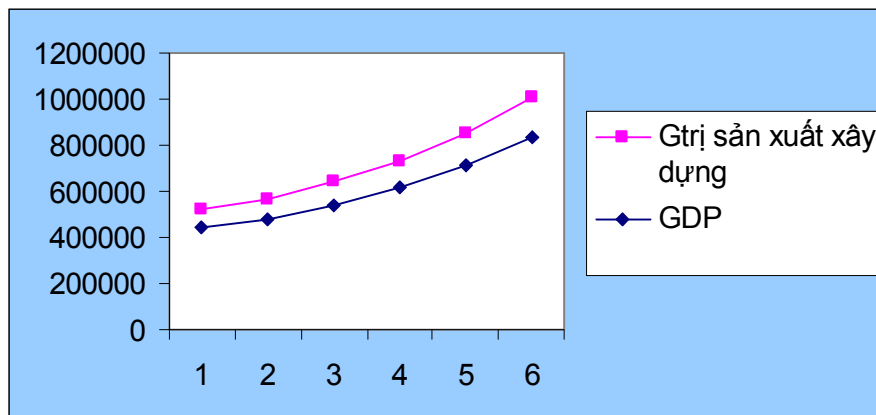
VI. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ

1. Rủi ro kinh tế

Ngành sản xuất và kinh doanh điện là một ngành thiết yếu, giữ một vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Trong bất cứ giai đoạn phát triển nào của đất nước, Chính phủ đều đưa ra các chính sách khuyến khích phát triển đối với lĩnh vực này. Đặc biệt, khi kinh tế đất nước phát triển, cùng với sự lớn mạnh của các ngành sản xuất, dịch vụ khác, thì vai trò của ngành điện lại càng được khẳng định. Là một đơn vị hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp đường dây, trạm biến áp và cung cấp điện, nước phục vụ các công trình thủy điện, sự phát triển của ngành điện và Công ty có mối quan hệ thuận chiều với nhau.

Hiện nay, Công ty đã mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực như xây dựng các khu đô thị, sản xuất công nghiệp. Đây là những thị trường khá nhạy cảm với diễn biến của nền kinh tế. Khi nền kinh tế tăng trưởng và ổn định, lĩnh vực này hứa hẹn mang lại nhiều lợi nhuận cho Công ty. Ngược lại, khi nền kinh tế đình trệ thì khả năng đầu tư vào các dự án, phương án hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ trở nên khó khăn hơn do có sự rút lui những nguồn tài chính dài hạn, sự hợp tác của đối tác, mức độ tài trợ của các ngân hàng và các định chế tài chính khác cũng giảm đáng kể so với thời kỳ kinh tế ổn định

Biểu đồ 4: Mối quan hệ giữa GDP và giá trị sản xuất xây dựng từ năm 2000-2005



Nguồn: - Niên giám thống kê 2004 – NXB Thống kê, 2005: www.gso.gov.vn

- Giá trị sản xuất ngành xây dựng www.gso.gov.vn

Kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển thuận lợi, với tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm từ 7-8%, đặc biệt GDP năm 2005 là 8,4%. Trong đó, tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng trong GDP khoảng 41%. Xu hướng chung của nền kinh tế từ nay cho đến năm 2010 được dự tính là khá ổn định và giữ vững nhịp độ tăng trưởng. Đây là một tiền đề hết sức thuận lợi để Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của mình như hoạt động xây lắp đường dây và trạm biến áp, xây lắp hệ thống cấp thoát nước. Bên cạnh đó, những lĩnh vực phụ trợ cho hoạt động của các nhà máy điện cũng có cơ hội phát triển như lĩnh vực thí nghiệm - hiệu chỉnh điện, lĩnh vực gia công cơ khí và lắp đặt thiết bị ...

Như vậy, xét trên giác độ tương quan với sự phát triển của nền kinh tế, viễn cảnh của Công ty là khả quan.

2. Rủi ro về luật pháp

Những rủi ro về luật pháp của Công ty có thể xét trên 2 lĩnh vực là vi mô và vĩ mô

❖ Về mặt vĩ mô (Những qui định, hạn chế của chính phủ đối với ngành):

Là đơn vị hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xây lắp (60%), định hướng của Chính phủ đối với sự phát triển cơ sở vật chất, nhất là với việc phát triển hệ thống cầu đường giao thông, hệ thống lưới điện từ từ cấp điện áp 35KV đến 500KV; hệ thống cấp và thoát nước các đô thị lớn ... có ý nghĩa quan trọng đối với Công ty.

Ngày 5 tháng 10 năm 2004, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định 176/2004/QĐ-TTG phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Điện Việt Nam giai đoạn 2004-2010, định hướng đến 2020 với chủ trương tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn điện cũng như mạng lưới điện.

Như vậy, trong dài hạn, chính sách của Chính phủ vẫn là giành những ưu đãi, thuận lợi để phát triển lưới điện và các sản phẩm hỗ trợ cho ngành điện.

❖ Rủi ro vi mô (Những rủi ro pháp lý liên quan đến hoạt động của Công ty)

Là rủi ro phát sinh khi Công ty phải đối mặt với các tranh chấp, kiện tụng, làm mất các cơ hội kinh doanh và tốn nhiều chi phí. Công ty phải có phương án phòng ngừa và ứng phó kịp thời với những rủi ro này.

3. Rủi ro cạnh tranh

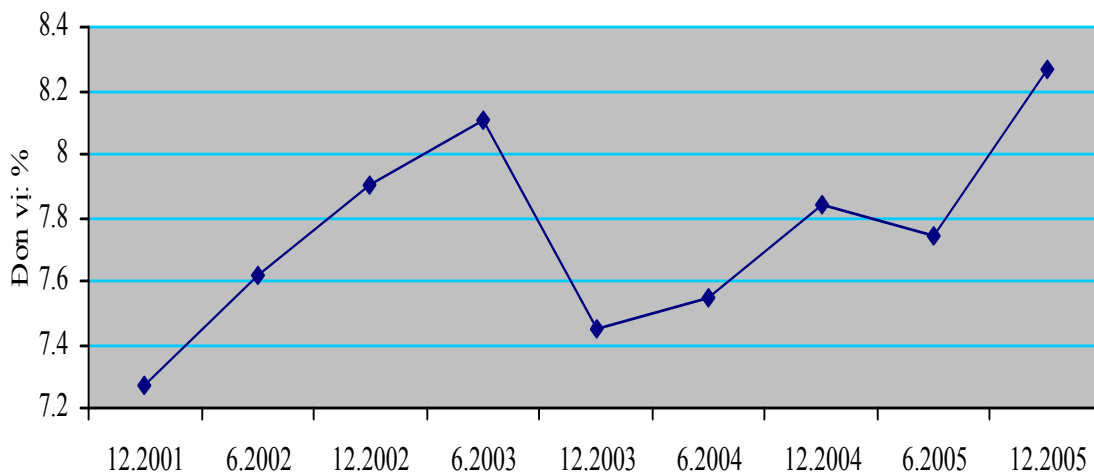
Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp và dân dụng. Hiện nay cũng có nhiều đơn vị tham gia vào lĩnh vực xây lắp đường dây và trạm biến áp; thí nghiệm điện. Do nhu cầu phát triển mạnh mẽ các nguồn cung điện để đáp ứng nhu cầu điện năng trong xã hội nên các ngành xây lắp mạng lưới điện cũng phát triển tương ứng. Thị trường này trong thời gian tới sẽ thu hút được sự tham gia của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước và ít nhiều cũng tạo ra sức ép cạnh tranh đối với Công ty. Tuy nhiên, nhờ vào mối quan hệ chặt chẽ với Tổng công ty Sông Đà, Công ty vẫn đảm bảo được đầu ra của mình, phần nào giảm

bớt yếu tố cạnh tranh. Hiện tại, Tổng công ty vẫn được Nhà nước giao tổng thầu nhiều công trình thủy điện quan trọng.

4. Rủi ro lãi suất

Lãi suất thị trường tăng sẽ có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty xét trên hai khía cạnh. Thứ nhất lãi suất thị trường tăng sẽ làm tăng chi phí vay vốn của Công ty. Tính đến thời điểm 31/12/2005, tổng dư nợ vay dài hạn của Công ty đạt khoảng trên 52 tỷ. Như vậy, lãi suất tăng sẽ tạo ra gánh nặng chi phí cho Công ty. Bên cạnh đó, lãi suất tăng còn làm giảm thị giá của chứng khoán khi đăng ký giao dịch trên TTGDCK Hà Nội.

Biểu đồ 5: Diễn biến lãi suất bình quân liên ngân hàng loại kỳ hạn 6 tháng



Nguồn: - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

- Thời điểm thu thập số liệu là các ngày giao dịch cuối cùng của các tháng

Theo cơ chế truyền dẫn, lãi suất bình quân liên ngân hàng tăng lên báo hiệu mặt bằng lãi suất thị trường sẽ tăng trong thời gian tới. Đây cũng chính là giai đoạn Công ty đang duy trì khoản nợ vay dài hạn.

5. Rủi ro liên quan đến ngành nghề

Thị trường xây lắp các Nhà máy điện, nước và các công trình điện dần đi vào ổn định nên việc xây lắp đầu tư mới sẽ giảm dần trong tương lai. Vì vậy Công ty có thể sẽ gặp khó khăn trong lĩnh vực kinh doanh xây lắp các công trình điện, nước, chịu áp lực giảm giá bán sản phẩm dẫn đến lợi nhuận trong hoạt động xây lắp không cao.

6. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là loại rủi ro liên quan đến công nghệ, cơ sở hạ tầng, quy trình và con người trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty luôn nhận thức rõ các sự cố có thể phát sinh trong quá trình xây lắp. Ban lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo sâu sát và tạo mọi điều kiện cho công tác quản lý kỹ thuật và an toàn lao động.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây lắp như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc hoàn toàn)... Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty cần tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho các tài sản và công trình xây dựng của Công ty.

VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Phụ lục II:** Sổ theo dõi cổ đông
- Phụ lục III:** Nghị quyết của HĐQT về đăng ký giao dịch cổ phiếu
- Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính kiểm toán 2004, 2005

Hà Nội, ngày tháng năm 2006

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT****CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****NGUYỄN MẠNH TIẾN****LÊ VĂN CHÂU****KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC****ĐOÀN NGỌC LY****NGUYỄN BẠCH DƯƠNG**